

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **3514** /UBND-KH&ĐT
V/v công bố dự thảo KH phát triển
KT-XH 5 năm 2016-2020

Hà Nội, ngày **13** tháng 6 năm 2016

Kính gửi:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Báo Kinh tế đô thị.

Thực hiện quy trình xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, để xin ý kiến góp ý rộng rãi của nhân dân, UBND Thành phố giao:

- Sở Thông tin và truyền thông công bố nội dung dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội trên cổng thông tin của Thành phố;

- Báo Kinh tế đô thị công bố nội dung dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội trên hai số báo giấy gần nhất;

- Thời hạn công bố dự thảo Kế hoạch **trước 15/6/2016**; trong nội dung thông tin công bố dự thảo Kế hoạch đề nghị các góp ý hoàn thiện gửi trước ngày **19/6/2016** về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp theo địa chỉ: 16 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, phòng Tổng hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội; hoặc email: pkhth_sokhdt@hanoi.gov.vn; liên lạc anh Nguyễn Thái Đông, điện thoại: (04) 37-34-75-51. *A*

Nơi nhận:

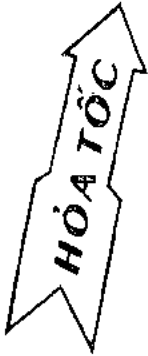
- Như trên;
- Sở KH&ĐT;
- Lưu: VT.

2/6/16 (5)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *B*



Nguyễn Đức Chung



Số: /KH-UBND

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2016

KẾ HOẠCH

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020

Dự thảo
10-6-2016

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2011-2015

I. Bối cảnh thực hiện KH phát triển KT-XH 5 năm 2011-2015:

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 5 năm 2011-2015 được xây dựng trong bối cảnh lạc quan về triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế thế giới và tình hình trong nước có nhiều thuận lợi. Nhiều dự báo cho rằng, khủng hoảng có thể sớm kết thúc và triển vọng kinh tế thế giới sẽ phục hồi sau năm 2010. Trên cơ sở kết quả đạt được của giai đoạn 2006-2010¹ và do chưa lường hết những khó khăn thách thức, lại kỳ vọng vào tăng trưởng cao hơn nên nhiều mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đề ra 5 năm 2011-2015 là khá cao.

Năm năm qua, đất nước và Thủ đô phải đối mặt với những *khó khăn, thử thách* gay gắt. Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp: chiến tranh tại Iraq, Syria; khủng hoảng chính trị tại Uc-rai-na; tranh chấp chủ quyền tại biển Đông; khủng hoảng nợ công tại một số quốc gia châu Âu lan rộng; giá nguyên liệu và tỷ giá một số đồng tiền biến động; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo;... Ở trong nước, khó khăn, thách thức lớn hơn dự báo: lạm phát tăng; lãi suất tín dụng một số thời điểm ở mức cao làm hạn chế đầu tư và sản xuất kinh doanh; tồn kho hàng hoá và bất động sản lớn; kinh tế tăng trưởng chậm lại; đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn;... đã ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển KT-XH của Thành phố. Nhiều dự án kinh doanh bất động sản giãn tiến độ và ngừng thực hiện; sản xuất kinh doanh khó khăn, số doanh nghiệp ngừng hoạt động tăng; tăng trưởng xuất khẩu đạt thấp; thu ngân sách khó khăn trong khi nhu cầu đảm bảo an sinh xã hội và phát triển kết cấu hạ tầng rất lớn; thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp thường xuyên đe dọa đời sống nhân dân, nhất là sản xuất nông nghiệp trên địa bàn. Ngoài ra, Hà Nội có những khó khăn đặc thù trong quá trình phát triển: tốc độ đô thị hóa rất nhanh, khối lượng công việc ngày càng lớn, yêu cầu rất cấp bách; dân số tăng cao, cơ sở hạ tầng quá tải và chưa đồng bộ;... đã tạo ra áp lực lớn tác động trực tiếp đến quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện của Thành phố.

Bên cạnh khó khăn, thách thức, Hà Nội có *cơ hội và thuận lợi cơ bản*: Kế thừa thành quả phát triển 25 năm đổi mới với nhiều bài học, kinh nghiệm quý giá. Địa giới

¹ Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ 5 năm 2011-2015 được xây dựng trong bối cảnh: GDP của cả nước 5 năm 2006-2010 tăng trưởng 7,0%/năm; nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ. Đối với Hà Nội, tăng trưởng GRDP năm 2010 đã phục hồi, đạt 11,3%; nhiều chỉ tiêu 5 năm 2006-2010 đạt và vượt kế hoạch.

mở rộng tạo thế và lực mới. Luật Thủ đô được ban hành là cơ sở pháp lý để huy động các nguồn lực phát triển. Các văn bản quan trọng định hướng cho sự phát triển lâu dài của Thành phố đã được phê duyệt: Chiến lược phát triển KT-XH đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH đến năm 2020, định hướng đến 2030; Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến 2030, tầm nhìn đến 2050; Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020;... Bên cạnh đó, hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng tạo cho các doanh nghiệp sân chơi lớn hơn với các cơ hội đầu tư, mở rộng thị trường, nâng cao trình độ khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến.

II. Kết quả phát triển KT-XH 5 năm 2011-2015

1. Phát triển kinh tế

Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, kinh tế Thủ đô duy trì tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân 5 năm 2011-2015 tăng 9,23%, gấp 1,58 lần mức tăng bình quân chung của cả nước. Quy mô GRDP năm 2015 đạt khoảng 27,6 tỷ USD, bình quân thu nhập đầu người 77 triệu đồng (khoảng 3.660 USD), tăng gấp 1,8 lần so với năm 2010. Các ngành kinh tế phục hồi và tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 53,9%, công nghiệp - xây dựng chiếm 41,7% và nông nghiệp 4,4%⁽²⁾; các nhóm ngành trong cơ cấu kinh tế Thủ đô đều có mức tăng trưởng khá:

- Ngành dịch vụ có mức tăng trưởng cao, bình quân 5 năm tăng 9,97%; kim ngạch xuất khẩu tăng 6,95%; nhập khẩu tăng 3,52%. Trong đó, ngành dịch vụ chất lượng cao, trình độ cao có mức tăng trưởng cao hơn so với toàn ngành⁽³⁾. Du lịch phát triển mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung⁽⁴⁾.

- Ngành công nghiệp - xây dựng phục hồi, duy trì tốc độ tăng trưởng khá, bình quân 5 năm tăng 9,11%. Bước đầu hình thành một số khu công nghệ cao; công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin (CNTT) phát triển mạnh⁽⁵⁾; các khu, cụm công nghiệp (CCN) đóng góp quan trọng vào phát triển chung của ngành⁽⁶⁾, công nghiệp hỗ trợ được đẩy mạnh. Các làng nghề, phố nghề truyền thống từng bước được củng cố, xây dựng thương hiệu sản phẩm⁽⁷⁾.

- Ngành nông nghiệp đạt kết quả tích cực, bình quân tăng 2,46%/năm, cao hơn so với chỉ tiêu đặt ra, giá trị sản xuất đạt 268,3 triệu đồng/ha đất canh tác, tăng 1,44 lần so với năm 2010⁸. Cơ cấu nội ngành nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ; tuy nhiên tỷ trọng chăn nuôi và trồng trọt chưa có nhiều chuyển dịch⁽⁹⁾. Chú trọng phát triển nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, nâng cao năng suất, bảo đảm hiệu quả, bền vững. Hình thành, mở rộng một số mô

(2) Số liệu về GRDP (tăng trưởng, cơ cấu, GRDP/người,...) là tính theo cách cũ (xem phụ lục 2).

(3) Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; thông tin và truyền thông chiếm 15% GRDP, tăng trung bình 12,3%.

(4) Du lịch chiếm 3,2% GRDP, tăng hàng năm 11%.

(5) Chiếm trên 14% GTSX công nghiệp chế biến, chế tạo, tăng trung bình trên 20%/năm; đóng góp trên 20% kim ngạch xuất khẩu với kim ngạch tăng trên 5%/năm.

(6) Tạo ra khoảng 40% giá trị sản xuất công nghiệp, 45% kim ngạch xuất khẩu.

(7) Thành phố hiện có 1.350 làng nghề và làng có nghề, chiếm gần 59% tổng số làng trên địa bàn (47/52 nghề của toàn quốc).

⁸ Số liệu cập nhật Niên giám thống kê Hà Nội 2015

(9) Năm 2010, trồng trọt chiếm 45,97%, chăn nuôi 50,25%, dịch vụ 3,78%; năm 2015 tương ứng là 46,2%, 49,6% và 4,2

hình và vùng sản xuất hàng hóa tập trung có giá trị kinh tế cao⁽¹⁰⁾; đã có nhiều cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa, hoa, cây ăn quả chất lượng cao, giá trị sản xuất lớn, đạt từ 1 - 2 tỷ đồng/ha⁽¹¹⁾.

Các thành phần kinh tế được khuyến khích phát triển và có sự chuyển biến tích cực: tỷ trọng kinh tế nhà nước khoảng 43,6%; kinh tế ngoài nhà nước 38,9%; kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 16,5%. Kinh tế hợp tác xã ổn định, tỷ lệ hợp tác xã loại tốt và khá tăng. Cơ bản hoàn thành kế hoạch sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011 - 2015.

Việc hợp tác, liên kết phát triển kinh tế Vùng được quan tâm, gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy thế mạnh ở từng địa phương và trong toàn Vùng. Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng khu vực ngoại thành, kết nối hạ tầng giữa Hà Nội và các địa phương trong Vùng. Liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước, đặc biệt là liên kết phát triển du lịch giữa Thủ đô với Vùng đồng bằng sông Hồng đạt kết quả tích cực. Hà Nội thực hiện tốt vai trò là trung tâm tài chính - ngân hàng, dịch vụ chất lượng cao của khu vực phía Bắc và cả nước. Sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô từng bước được nâng lên.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa, tập trung cho đầu tư phát triển. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 5 năm đạt 1,42 triệu tỷ đồng, gấp gần 2 lần giai đoạn 2006-2010. Đầu tư trực tiếp nước ngoài thu hút được 1.370 dự án, với tổng số vốn đăng ký 6,3 tỷ USD. Thực hiện chủ trương xã hội hóa đầu tư đạt kết quả tích cực, nhất là lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế⁽¹²⁾.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt và vượt dự toán. Trong 5 năm 2011-2015, tổng thu ngân sách đạt trên 755 nghìn tỷ đồng, tỷ lệ tăng bình quân 7,3%/năm. Chi ngân sách địa phương 285,6 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 7,8%/năm, bảo đảm cân đối chi thường xuyên và ưu tiên tập trung cho đầu tư phát triển.

2. Công tác quy hoạch, quản lý xây dựng, phát triển đô thị

Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch được chú trọng và có chuyển biến tốt hơn. Đã hoàn thành và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồng bộ Chiến lược, Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH Thủ đô, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thành các quy hoạch ngành, lĩnh vực, các quy hoạch phân khu; cơ bản hoàn thành quy hoạch chung các huyện, thị xã, thị trấn, các đô thị vệ tinh¹³. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng đô thị; từng bước đẩy mạnh phân cấp lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý, thực hiện quy hoạch cho cấp quận, huyện, thị xã. Công khai quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân biết để thực hiện và giám sát việc thực hiện quy hoạch.

Chủ động phát huy nội lực, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương đẩy mạnh đầu tư phát triển đồng bộ

⁽¹⁰⁾ Phát triển ổn định 69 xã chăn nuôi trọng điểm, hình thành 24 khu chăn nuôi tập trung, quy mô lớn ngoài khu dân cư; 5000 ha rau an toàn tập trung được quản lý; duy trì ổn định 34 vùng sản xuất lúa hàng hóa với tổng diện tích 25.000 ha, trong đó có gần 6.000 ha lúa chất lượng cao.

⁽¹¹⁾ Tại các huyện Mê Linh, Hoài Đức, Đan Phượng, Đông Anh,...

⁽¹²⁾ Lũy kế đến nay số dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực là 3.265 dự án với số vốn 22.234 triệu USD; có 92 dự án đầu tư lĩnh vực giáo dục ngoài công lập, quy mô đăng ký trên 13.200 tỷ đồng; 18 bệnh viện đã hoàn thành đi vào hoạt động, 25 dự án đầu tư bệnh viện ngoài công lập đang triển khai, thu hút 266 tỷ đồng thực hiện 41 đề án xã hội hóa tại các cơ sở y tế công lập.

¹³ Hoàn thành 35/35 đề án QH phân khu; 32/33 đề án QH chung quận, huyện, thị xã...

và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; cải tạo, hạ ngầm hệ thống cáp điện và thông tin liên lạc. Chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: các tuyến cao tốc, quốc lộ hướng tâm; các tuyến đường, các trục chính đô thị và các tuyến giao thông quan trọng trên địa bàn Thủ đô; phát triển nhiều công trình lớn, hiện đại⁽¹⁴⁾. Triển khai các dự án cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng điện, cấp thoát nước, đầu tư trang thiết bị, cơ sở phòng cháy, chữa cháy. Hoàn thành dự án thoát nước giai đoạn 2, một số nhà máy xử lý nước thải đi vào hoạt động, đã góp phần cải thiện môi trường. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới một số trường học, bệnh viện lớn. Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện có hiệu quả; chính sách bồi thường, hỗ trợ được quan tâm, lợi ích của người dân được coi trọng. Việc quản lý và sử dụng quỹ nhà tái định cư được chú trọng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu tái định cư để triển khai các dự án, công trình trọng điểm.

Chất lượng dịch vụ đô thị tiếp tục được nâng cao. Phát triển mạng ống truyền dẫn và phân phối nước sạch, đáp ứng cơ bản cho khu vực đô thị và mở rộng quy mô ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh duy tu, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, nâng cao chất lượng quản lý, khai thác. Cải tạo, nâng cấp, phát huy hiệu quả hệ thống các hồ nước, công viên, vườn hoa, trồng mới và chỉnh trang cây xanh đô thị. Bộ mặt đô thị Thành phố ngày càng khởi sắc, sáng, xanh, sạch, đẹp hơn.

Việc quản lý và điều chỉnh phân bố dân cư trên địa bàn được tăng cường. Xây dựng nhiều khu đô thị mới, khu nhà ở hiện đại, gắn với điều chỉnh phân bố dân cư. Phát triển nhà ở xã hội, ký túc xá sinh viên, nhà ở cho công nhân, nhà ở cho các đối tượng chính sách và người có thu nhập thấp¹⁵. Tiếp tục thực hiện cải tạo chung cư cũ, cải thiện nhà ở cho người dân. Thực hiện di dời một số cơ sở sản xuất gây ô nhiễm và các cơ quan, đơn vị, bệnh viện, trường đại học, cao đẳng,... ra ngoài khu vực nội đô lịch sử. Tăng cường quản lý lao động, nhất là lao động trong các KCN, CCN, người nhập cư, lao động nước ngoài trên địa bàn.

Công tác quản lý đô thị, chấn chỉnh trật tự, kỷ cương xây dựng, bảo đảm an toàn giao thông, trật tự, văn minh đô thị được tăng cường, nhất là sau hơn hai năm thực hiện “Năm trật tự và văn minh đô thị”. Ý thức của nhân dân, nếp sống văn minh đô thị, trật tự, an toàn xã hội có chuyển biến tốt hơn.

Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và quản lý đất đai được chú trọng. Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm, bảo đảm vệ sinh môi trường có chuyển biến tốt. Công tác phòng, chống lụt bão, bảo vệ, tu sửa, nâng cấp hệ thống đê điều, tưới tiêu, thoát nước được duy trì thường xuyên, hạn chế úng ngập cục bộ kéo dài trong các đợt mưa, bão lớn; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được quan tâm; ứng phó với biến đổi khí hậu đạt được một số kết quả bước đầu.

3. Công tác xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực, đời sống của nông dân Thủ đô tiếp tục được cải thiện

Công tác xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo, với sự vào cuộc quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp; sự

⁽¹⁴⁾ Nhà ga quốc tế T2 Nội Bài; đường vành đai 3, đường Nhật Tân - Nội Bài, đường 5 kéo dài; cầu Nhật Tân, cầu Vĩnh Tuy, cầu Vĩnh Thịnh, cầu Đông Trù và hoàn thành 07 cầu vượt trong khu vực nội đô. Triển khai thi công các tuyến đường sắt đô thị Hà Đông - Cát Linh, Nhón - ga Hà Nội; nghiên cứu đề xuất, triển khai tuyến Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo.

¹⁵ Đã đầu tư 16 dự án nhà ở dành cho người thu nhập thấp với khoảng 739.000 m² sàn, tương đương 9.700 căn hộ; đã hoàn thành các khối nhà A1, A5, A6 cho học sinh, sinh viên tại Pháp Vân - Tứ Hiệp

tham gia, phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân Thủ đô, đã đạt được kết quả tích cực. Trong 5 năm, đã huy động bình quân khoảng 5.800 tỷ đồng/năm cho đầu tư xây dựng nông thôn mới⁽¹⁶⁾.

Kết cấu hạ tầng KT-XH khu vực nông thôn được chú trọng đầu tư. Hệ thống đê kè, thủy lợi, giao thông nông thôn,... được củng cố, nâng cấp. Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trụ sở được bê tông hóa đạt 100%; đường trục thôn và liên thôn được bê tông hóa đạt 95%. Tỷ lệ thôn, xóm, cụm dân cư có nhà văn hóa đạt 80,5%, các xã đều có hệ thống loa truyền thanh. Không còn phòng học tạm, dột nát và tình trạng học sinh phải học ba ca. 100% số xã có trạm y tế, có bác sỹ và nhiều xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Môi trường nông thôn được cải thiện, tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải ở ngoại thành đạt 90%, dân số nông thôn được sử dụng nước đảm bảo vệ sinh đạt 99%. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố, dân chủ được mở rộng; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

KT-XH nông thôn có bước phát triển khá. Nhiều sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao đã xây dựng được thương hiệu có uy tín; bước đầu hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Đời sống vật chất và tinh thần của nông dân Thủ đô được cải thiện, nhiều vùng được nâng cao. Thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn tiếp tục tăng lên, năm 2015 đạt 33 triệu đồng/người/năm, gấp 2 lần so với năm 2011. Tỷ lệ các hộ có nhà kiên cố và khang trang ngày càng tăng.

Đến cuối năm 2015, toàn Thành phố có 201/386 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 52,07% tổng số xã; gấp hơn 2 lần chỉ tiêu cả nước. Đã thực hiện được trên 97% tổng diện tích có thể dồn điền đổi thửa, tạo tiền đề phát triển sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, thâm canh tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

4. Văn hóa tiếp tục phát triển; xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh đạt kết quả đáng ghi nhận

Văn hóa tiếp tục phát triển, một số mặt chuyển biến tích cực; thực hiện tốt các chủ trương về nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa ở cơ sở; đời sống văn hóa, tinh thần của các tầng lớp nhân dân Thủ đô được cải thiện rõ rệt. Hệ thống các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư, hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển văn hóa của cộng đồng và bảo tồn bản sắc văn hoá các dân tộc. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường và thực hiện có hiệu quả.

Với số lượng di tích cấp quốc gia và di sản được UNESCO công nhận lớn nhất cả nước, việc bảo tồn, tôn tạo, nghiên cứu, giới thiệu, quảng bá, phát huy giá trị di sản văn hóa được tiến hành đồng bộ và tích cực. Hoạt động văn học, nghệ thuật, giao lưu văn hóa trong nước, khu vực và quốc tế tiếp tục mở rộng, phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị và đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Thủ đô.

Hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin, truyền thông tiếp tục phát triển, góp phần phát huy dân chủ, định hướng dư luận xã hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh của Thành phố. Quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông, dịch vụ internet từng bước đi vào nền nếp.

⁽¹⁶⁾ 4 năm 2011-2014 huy động 23.105 tỷ đồng, trong đó 23,6 % huy động ngoài ngân sách.

Xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh đạt kết quả đáng ghi nhận. Nhiều phong trào, hoạt động xây dựng mô hình văn hóa và gia đình văn hóa ở cơ sở tiếp tục được triển khai đạt kết quả tốt; những giá trị, nét đẹp văn hoá của người Hà Nội thanh lịch, văn minh, truyền thống trong gia đình, họ tộc và cộng đồng dân cư được kế thừa, phát huy⁽¹⁷⁾. nếp sống văn hoá, văn minh đô thị, nhất là trong việc cưới, việc tang, tổ chức lễ hội có chuyển biến tốt. Xây dựng bộ quy tắc ứng xử văn minh nơi công cộng và đưa vào giảng dạy bộ tài liệu giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Thủ đô,... đã góp phần nâng cao nhận thức, khơi dậy niềm tự hào của người Hà Nội, nhất là thế hệ trẻ.

5. Khoa học và công nghệ được đẩy mạnh; giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển, chất lượng nguồn nhân lực được coi trọng

Khoa học và công nghệ được đẩy mạnh, hoạt động khoa học và công nghệ tiếp tục được đổi mới, đóng góp tích cực cho phát triển KT-XH; tập trung lãnh đạo xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả nhiều chương trình, đề án nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ Thủ đô, gắn với tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI), góp phần thúc đẩy đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ, năng lực quản lý, năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế tri thức. Chỉ đạo thực hiện tốt một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ. Tỷ lệ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn của các đề tài, dự án ngày càng cao. Thị trường khoa học và công nghệ Thủ đô tiếp tục được mở rộng; hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được tăng cường; tích cực hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng nhãn hiệu tập thể cho một số sản phẩm, làng nghề truyền thống.

Giáo dục và đào tạo Thủ đô tiếp tục được đổi mới, phát triển, dẫn đầu cả nước về các tiêu chí: quy mô giáo dục, mạng lưới trường lớp và chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn, số học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế. Tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI), triển khai xây dựng mô hình trường chất lượng cao theo Luật Thủ đô. Phê duyệt và tổ chức thực hiện một số quy hoạch chuyên ngành về phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo và mạng lưới trường học của Thành phố. Trường Đại học Thủ đô được thành lập và đi vào hoạt động. Chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được nâng lên, 100% giáo viên đứng lớp có trình độ đạt chuẩn theo quy định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo được tăng cường; 50% trường đạt chuẩn quốc gia; đã hoàn thành việc xóa phòng học tạm và phòng học nhà cấp 4; 100% quận, huyện đã đạt chuẩn phổ cập mầm non 5 tuổi (vượt trước 2 năm so với toàn quốc), phổ cập THCS đạt 99,36%, phổ cập THPT đạt 90%. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được mở rộng.

Công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao được coi trọng. Thành phố đã xây dựng và triển khai thực hiện 04 đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và

⁽¹⁷⁾ Đã có 85% gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hoá, 55% làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Làng văn hoá, 70% tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hoá.

nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở các lĩnh vực khác; xây dựng cơ chế đào tạo, sử dụng đội ngũ trí thức, nhân lực có trình độ cao, tay nghề cao. Việc liên kết giữa doanh nghiệp với cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo để phát triển nguồn nhân lực ngày càng chặt chẽ hơn. Công tác đào tạo nghề được đẩy mạnh cả về hình thức, loại hình, quy mô và chất lượng.

6. An sinh xã hội được bảo đảm, chất lượng cuộc sống của nhân dân từng bước được nâng cao

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân có nhiều tiến bộ. Thực hiện các giải pháp đồng bộ, tích cực để từng bước khắc phục tình trạng quá tải ở các bệnh viện. Giai đoạn 2011 - 2015, Thành phố đã đầu tư trên 3.068 tỷ đồng từ ngân sách để cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho 37 bệnh viện trên địa bàn. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên; đã thực hiện thành công một số kỹ thuật mới⁽¹⁸⁾. Hệ thống y tế cơ sở và mạng lưới y tế dự phòng được củng cố, tăng cường cả về đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất và trang thiết bị⁽¹⁹⁾. Chất lượng y tế cộng đồng có chuyển biến; dịch bệnh được kiểm soát; công tác kiểm tra, giám sát bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được tiến hành thường xuyên, không để xảy ra ngộ độc lớn trên địa bàn.

Công tác dân số, gia đình được chú trọng, bảo đảm ổn định mức tăng dân số tự nhiên và từng bước nâng cao chất lượng dân số. Việc chăm sóc sức khỏe, bảo trợ, nuôi dưỡng trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt được quan tâm; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm đáng kể, còn dưới 10%. Thực hiện tốt các chương trình hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình.

Thể dục, thể thao Thủ đô tiếp tục phát triển, khẳng định vị trí dẫn đầu cả nước, là đơn vị chủ lực của thể thao thành tích cao Việt Nam tại các đấu trường khu vực và quốc tế. Hà Nội đóng góp trên 30% tổng số huấn luyện viên, vận động viên và thành tích của các đoàn vận động viên Việt Nam tham dự Đại hội thể thao thế giới và khu vực. Cơ sở vật chất đầu tư cho hoạt động thể dục, thể thao được tăng cường. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển mạnh. Việc giáo dục thể chất cho thế hệ trẻ ngày càng được quan tâm. Xã hội hóa trong lĩnh vực thể dục thể thao được chú trọng.

Công tác giải quyết việc làm, dạy nghề cho lao động, nhất là lao động nông thôn, phát triển thị trường lao động được triển khai thực hiện có hiệu quả. Bình quân mỗi năm đào tạo nghề, truyền nghề cho trên 15 vạn lao động và giải quyết việc làm cho 14 vạn lượt lao động; tỷ lệ thất nghiệp còn dưới 4,8%. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tự nguyện trong nhân dân tiếp tục mở rộng và phát triển.

Công tác đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội được thực hiện quyết liệt. Mô hình xã, phường, địa bàn dân cư, cơ quan, trường học không có tệ nạn xã hội

(18) Ứng dụng kỹ thuật cao trong mổ nội soi tiêu hoá, phẫu thuật chấn thương sọ não, nối mạch máu, can thiệp tim mạch, ghép tạng, thụ tinh trong ống nghiệm, sàng lọc sơ sinh, sàng lọc trước sinh, xạ trị và nút mạch siêu chọn lọc trong ung thư gan,...

(19) 100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ bác sỹ/1 vạn dân tăng lên 11,5; số giường bệnh/1 vạn dân tăng lên 21,3.

được nhân rộng. Chất lượng quản lý, giáo dục, chữa trị tại các trung tâm chữa bệnh và giáo dục lao động xã hội của Thành phố được nâng cao.

Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nhất là công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, chăm lo thiết thực các đối tượng chính sách, thương binh, gia đình liệt sỹ, Mẹ Việt Nam Anh hùng, cán bộ lão thành cách mạng, tiền khởi nghĩa. Chính sách giảm nghèo, hỗ trợ người tàn tật, người có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt,... được triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả⁽²⁰⁾, góp phần ổn định đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Cuối năm 2015, theo chuẩn chung của cả nước, Hà Nội đã cơ bản hoàn thành việc xóa nghèo (tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 0,27%, là mức thấp thứ 6 toàn quốc)⁽²¹⁾. Chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô, đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc ít người được cải thiện rõ rệt.

7. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô được giữ vững; quốc phòng và quân sự địa phương được củng cố, tăng cường

Thành ủy đã tập trung lãnh đạo triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Chính trị - xã hội trên địa bàn Thủ đô ổn định, an ninh được tăng cường, đặc biệt là trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và những vấn đề liên quan đến biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp. Phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân Thủ đô trong tổ chức thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Bảo vệ vững chắc hệ thống chính trị; bảo đảm an toàn tuyệt đối các mục tiêu trọng điểm, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn. Lực lượng Công an Thủ đô đã phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành chủ động đấu tranh ngăn chặn các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; giải quyết tốt an ninh nội bộ, an ninh văn hóa, an ninh thông tin, xử lý kịp thời những vấn đề phức tạp, bức xúc, không để xảy ra đột biến, bất ngờ, gây rối, phá hoại, biểu tình trái pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự.

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh chủ động, sáng tạo, có hiệu quả cao, kết hợp với kiên trì tuyên truyền, vận động, nên đã hạn chế được các hoạt động tôn giáo trái phép, không để phát sinh các tụ điểm phức tạp. Trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô có nhiều chuyển biến tích cực. Đã kiềm chế và từng bước đẩy lùi hoạt động của các loại tội phạm và vi phạm pháp luật. Chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh trấn áp các loại tội phạm được nâng lên. Đã triển khai đồng bộ nhiều chương trình, kế hoạch, mô hình mới, tạo sự đột phá, hiệu quả cao trong phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, được nhân dân Thủ đô ghi nhận và nhân rộng kinh nghiệm tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng của Thủ đô được chú trọng và đạt kết quả toàn diện. Nhiệm vụ giáo dục và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, học sinh, sinh viên được thực hiện thường xuyên,

⁽²⁰⁾ Số hộ nghèo và cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế đạt 245.842 hộ, hỗ trợ học nghề đạt 12.718 hộ, hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở 4.755 hộ. Hàng năm thực hiện trợ cấp thường xuyên cho 300.452 người. Cơ bản hộ nghèo không còn nhà dột nát, xuống cấp

⁽²¹⁾ Chuẩn nghèo của Trung ương: 400 ngàn đồng/người/tháng (khu vực nông thôn); 500 ngàn đồng/người/tháng (khu vực thành thị). Chuẩn nghèo của Hà Nội tương ứng là 550 ngàn đồng và 750 ngàn đồng; TpHCM còn 0%, Đà Nẵng còn 0%, Bình Dương còn 0%, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hà Nội. Theo chuẩn của Hà Nội, tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2015 còn 0,96%.

chất lượng tốt. Tiềm lực quốc phòng được nâng lên. Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước ban hành và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân Thành phố về “Xây dựng khu vực phòng thủ Thành phố đến năm 2020 và những năm tiếp theo”. Quản lý nhà nước về quốc phòng trên địa bàn được tăng cường; kết hợp có hiệu quả giữa nhiệm vụ phát triển KT-XH với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Hoàn thành tốt chỉ tiêu huy động, kiểm tra huấn luyện quân nhân dự bị; hằng năm, dẫn đầu cả nước về chất lượng công dân nhập ngũ đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng; đào tạo sĩ quan dự bị bằng ngân sách địa phương; xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch thể trận quân sự khu vực phòng thủ. Hoàn thành xuất sắc diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội năm 2013.

Lực lượng vũ trang Thủ đô được tập trung xây dựng, chất lượng tổng hợp, nhất là chất lượng về chính trị, khả năng sẵn sàng chiến đấu và trình độ chính quy được nâng lên. Phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng quân đội và công an, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phát huy được vai trò là lực lượng nòng cốt, xung kích trong phòng, chống lụt bão, cháy nổ, cháy rừng, cứu hộ, cứu nạn. Phối hợp với các đơn vị quân đội trên địa bàn làm tốt công tác dân vận, xây dựng thể trận lòng dân, xây dựng địa bàn an toàn, vững mạnh. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Công tác đối ngoại quân sự giữa Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Tư lệnh Thủ đô các nước Lào, Campuchia; các hoạt động hợp tác, kết nghĩa với lực lượng vũ trang của một số tỉnh, như: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Lâm Đồng,... ngày càng được tăng cường và thực hiện có hiệu quả.

8. Hoạt động đối ngoại, hợp tác, hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh, vị thế, uy tín của Thủ đô ngày càng được nâng cao

Công tác đối ngoại, hợp tác, hội nhập quốc tế của Thành phố tiếp tục được đẩy mạnh và đạt kết quả tốt. Đến nay, Hà Nội có quan hệ hữu nghị, hợp tác với hơn 100 thành phố, thủ đô của các nước; là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế có uy tín trên thế giới. Nhiều cam kết hợp tác song phương, đa phương được ký kết và triển khai có hiệu quả. Quan hệ hữu nghị, hợp tác với các đối tác được củng cố và tăng cường; kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển.

Hoạt động đối ngoại nhân dân được mở rộng, góp phần tăng cường sự hiểu biết và nâng cao vị thế quốc tế của Thủ đô. Công tác thông tin đối ngoại từng bước được đẩy mạnh, thiết thực quảng bá hình ảnh, nâng cao uy tín của Việt Nam và Hà Nội trên trường quốc tế⁽²²⁾.

Thành phố đã chủ động, tích cực, tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, sự phối hợp, hợp tác của các bộ, ban, ngành. Hà Nội được giao tổ chức, phối hợp tổ chức thành công nhiều sự kiện quan trọng của quốc tế và của đất nước. Quan hệ hợp tác cùng phát triển trên các mặt KT-XH, quốc phòng, an ninh giữa Hà Nội với các tỉnh,

⁽²²⁾ Năm 2011, Hà Nội được Tạp chí Travel and Leisure bình chọn là một trong 5 thành phố du lịch tốt nhất Châu Á; tạp chí Smart Travel Asia bình chọn là điểm du lịch, nghỉ ngơi tốt thứ 6 Châu Á. Năm 2012, trang tin Arabian Business bình chọn Hà Nội là một trong 25 điểm đến hấp dẫn nhất thế giới; Báo cáo của tổ chức TripAdvisor: Hà Nội là điểm du lịch rẻ nhất thế giới. Năm 2013, Hà Nội lọt vào Top 10 điểm đến hấp dẫn hàng đầu Châu Á do độc giả tạp chí Smart Travel Asia bình chọn. Năm 2014, Hà Nội được tổ chức TripAdvisor bình chọn đứng thứ 8 trong 10 thành phố thu hút khách du lịch hàng đầu thế giới; xếp thứ 2 trong danh sách 25 điểm đến hấp dẫn các du khách nhất.

thành phố trong cả nước đạt kết quả tốt, thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của Thủ đô đối với đất nước⁽²³⁾.

9. Công tác cải cách hành chính; giải quyết khiếu nại tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Hoạt động của UBND các cấp có nhiều đổi mới, năng lực quản lý, điều hành và hiệu lực, hiệu quả hoạt động được nâng lên. UBND Thành phố đã lựa chọn chủ đề công tác cho từng năm, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm và các khâu đột phá để tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ cơ quan hành chính các cấp được củng cố, kiện toàn, cơ bản được chuẩn hóa, có chuyển biến tích cực về chất lượng. Việc ứng dụng CNTT trong quản lý, xây dựng chính quyền điện tử đạt hiệu quả thiết thực. Cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, trọng tâm là thực hiện cải cách thủ tục hành chính; hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao trình độ, năng lực thực thi công vụ, ý thức, trách nhiệm và hiệu quả phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Chất lượng dịch vụ hành chính, dịch vụ công có nhiều tiến bộ. Chỉ số cải cách hành chính của Hà Nội có chuyển biến tốt (xếp thứ 3/63 tỉnh, thành phố). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) liên tục tăng lên, năm 2015 xếp thứ 24/63 – cao nhất từ trước đến nay.

Công tác theo dõi, kiểm tra việc thi hành pháp luật, tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đạt kết quả tích cực, kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc và mới phát sinh, hạn chế tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp; tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, tồn đọng kéo dài, không để phát sinh điểm nóng.

Các cơ quan tư pháp và đội ngũ cán bộ của cơ quan tư pháp Thành phố hoạt động có hiệu quả. Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và các hoạt động hỗ trợ tư pháp được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hiệu quả công tác thi hành án dân sự được nâng cao, nhiều vụ việc phức tạp, tồn đọng được giải quyết dứt điểm. Việc phối hợp chỉ đạo của các cơ quan tố tụng trong giải quyết các vụ án hình sự, nhất là các vụ trọng điểm, phức tạp có hiệu quả hơn.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ. Chú trọng các giải pháp phòng ngừa đi đôi với xử lý nghiêm minh mọi vi phạm. Thực hiện tốt việc rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, đẩy mạnh cải cách hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động KT-XH và công tác cán bộ, thi tuyển công chức, viên chức. Triển khai nhiều chủ trương, biện pháp thực hành tiết kiệm, đạt hiệu quả thiết thực. Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời một số vụ việc bức xúc liên quan đến tham nhũng, lãng phí, được nhân dân đồng tình. Tạo điều kiện để nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp phát huy vai trò giám sát, tham gia phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

III. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, KT-XH thành phố Hà Nội có một số *tồn tại, hạn chế*:

⁽²³⁾ Thành phố đã tổ chức nhiều đoàn cán bộ lãnh đạo đi thăm, làm việc, mở rộng hợp tác đầu tư và trực tiếp hỗ trợ nhiều tỉnh, thành phố vùng Việt Bắc, Tây Bắc, khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ,...

1. *Phát triển kinh tế* chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh Thủ đô; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh nhìn chung còn thấp; trong số 20 chỉ tiêu chủ yếu, có 05 chỉ tiêu không đạt kế hoạch⁽²⁴⁾. Do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới, lạm phát trong nước tăng cao, sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt thấp hơn 5 năm trước. Thực hiện một số tiêu chí cơ bản tái cơ cấu kinh tế chưa đạt yêu cầu đề ra; kinh tế tri thức, hàm lượng chất xám có giá trị gia tăng cao của các ngành kinh tế chủ lực chưa rõ nét. Hội nhập kinh tế quốc tế và hợp tác kinh tế Vùng hiệu quả thấp.

Chưa phát huy hết thế mạnh các nguồn lực về vốn, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và thị trường lao động để tập trung cho đầu tư phát triển, đã ảnh hưởng tới tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế. Hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai, tài sản công, nhất là quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước chưa cao. Công nghệ, quản lý sản xuất chậm đổi mới, năng suất lao động và chất lượng hàng hóa nhìn chung còn thấp, chưa tạo ra được những sản phẩm mũi nhọn, có sức cạnh tranh cao. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài nhà nước gặp nhiều khó khăn. Tình trạng buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại,... còn xảy ra ở nhiều nơi.

Sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng tập trung, chuyên canh chưa được nhân rộng; tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất chưa cao, ứng dụng công nghệ cao để phát triển nông nghiệp và tạo thành chuỗi giá trị còn hạn chế. Việc khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, nhất là doanh nghiệp đầu tư cho các khâu chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. *Công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý, phát triển đô thị* chưa đáp ứng được yêu cầu. Quản lý đất đai, trật tự xây dựng có mặt còn yếu kém; công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ giãn dân khu vực nội đô còn thấp. Trật tự, kỷ cương, an toàn giao thông chuyên biến chậm. Việc cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang các khu chung cư cũ trong nội thành chậm và còn nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách. Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, trường đại học, cao đẳng, cơ sở khám, chữa bệnh ra ngoài khu vực nội đô cũ chưa bảo đảm tiến độ. Môi trường sinh thái nhiều nơi còn ô nhiễm, nhất là ở một số sông hồ, làng nghề, KCN, CCN, chợ nông thôn;...

3. *Lĩnh vực văn hóa - xã hội* phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chưa tương xứng với vị thế, vai trò Thủ đô. Chất lượng hoạt động văn hóa, nghệ thuật còn hạn chế, chưa ngang tầm với thực tiễn đời sống xã hội phong phú, sôi động của Thủ đô; thiếu những tác phẩm có giá trị lớn về tư tưởng và nghệ thuật. Hiệu quả phát huy các giá trị di sản văn hóa chưa cao. Một số tiêu chí xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh chưa đạt yêu cầu, chưa tạo được chuyển biến rõ nét về văn hóa ứng xử của người dân; nếp sống văn hóa, trật tự, kỷ cương, văn minh đô thị có mặt còn yếu kém.

⁽²⁴⁾ 05 chỉ tiêu không đạt kế hoạch là: Tăng trưởng GRDP; GRDP bình quân đầu người; tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu; Tỷ lệ lao động qua đào tạo; nhà ở đô thị bình quân đầu người.

Một số mặt của công tác giáo dục và đào tạo chuyên môn chậm, hiệu quả giáo dục đạo đức học đường, nếp sống, ứng xử văn minh ở các cấp học còn bất cập; chất lượng đào tạo nghề, nhất là cho lao động nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Khoa học và công nghệ phát triển chưa tương xứng với lợi thế, tiềm năng, chưa phát huy được vai trò là động lực phát triển KT-XH Thủ đô, nhiều lĩnh vực chưa theo kịp trình độ phát triển của khu vực. Cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ chưa đồng bộ, chậm được đổi mới, nên chưa khuyến khích và thu hút được sự tham gia của đông đảo các nhà khoa học, các chuyên gia giỏi.

Công tác y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, an toàn vệ sinh thực phẩm có mặt còn hạn chế. Việc đầu tư cho y tế chủ yếu mới dựa vào nguồn lực ngân sách, thực hiện xã hội hóa chưa mạnh, vẫn còn tình trạng quá tải ở một số chuyên khoa tại các bệnh viện tuyến Thành phố.

4. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc ở một số địa bàn còn thiếu chiều sâu, hiệu quả chưa cao. Tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; trật tự an toàn xã hội ở một số địa phương, đơn vị cơ sở chưa tốt. Chất lượng, hiệu quả hợp tác, đối ngoại để thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển KT-XH Thủ đô một số mặt còn hạn chế.

Các hạn chế nêu trên, nhất là ách tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm,... chậm được giải quyết đã làm giảm lòng tin của nhân dân đối với chính quyền các cấp.

Nguyên nhân khách quan: Tình hình kinh tế, chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp. Địa bàn Thủ đô luôn đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi cao, có tính chất đặc thù; những khó khăn, hạn chế, yếu kém của đất nước đã tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện lãnh đạo, tổ chức thực hiện của Thành phố.

Sự phối, kết hợp trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành giữa một số bộ, ngành Trung ương và Thành phố trong một số việc chưa kịp thời, chặt chẽ; một số cơ chế, chính sách vĩ mô thiếu đồng bộ, chưa thống nhất; không ít văn bản quy phạm pháp luật chậm ban hành, có nội dung còn bất cập, không phù hợp với đặc điểm và thực tiễn Thủ đô.

Các thế lực thù địch, cơ hội chính trị cũng như các đối tượng gây mất trật tự an ninh luôn lấy Thủ đô là địa bàn trọng điểm tập trung hoạt động chống phá; những biểu hiện mặt trái của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đã tác động tiêu cực tới nhận thức tư tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức, trách nhiệm và lợi ích của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Bên cạnh đó, quy mô, khối lượng, tính chất khó khăn của những công việc phải giải quyết hàng ngày, nhất là từ sau khi mở rộng địa giới hành chính Thủ đô đặt ra ngày càng lớn, với những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao trong khi nguồn lực còn hạn chế.

Nguyên nhân chủ quan: Công tác dự báo chưa tốt, có mặt còn thiếu chủ động và chưa sát với diễn biến phức tạp của tình hình. Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, hiệu quả giải quyết công việc ở một số cấp, ngành, lĩnh vực chưa thực sự quyết liệt,

thiếu năng động, sáng tạo, có việc, có lúc còn trì trệ. Chưa tập trung xây dựng các mô hình, điển hình mới, sáng tạo, tiêu biểu cho vùng và cả nước trên một số lĩnh vực.

Sự phối hợp giữa ngành với ngành, giữa ngành với cấp trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện một số công việc, lĩnh vực được phân công, phân cấp, ủy quyền còn bị động, thiếu chặt chẽ, hiệu quả thấp. Một bộ phận cán bộ, đảng viên dùn dầy, né tránh trách nhiệm.

Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm kỷ luật của nhiều đơn vị cơ sở chưa được thực hiện thường xuyên, kết quả còn hạn chế; chưa có các biện pháp chế tài đủ mạnh trong việc ngăn chặn, xử lý kịp thời các sai phạm và biểu hiện tiêu cực xảy ra trên địa bàn Thủ đô.

Về phía doanh nghiệp, năng lực cạnh tranh còn yếu, khả năng về tài chính, quản lý điều hành và dự báo thị trường, chiến lược đầu tư còn nhiều hạn chế.

IV. Đánh giá chung

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, Thành phố Hà Nội đã đạt được những kết quả toàn diện và nổi bật: Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá; thu ngân sách luôn đạt và vượt kế hoạch; lạm phát được kiểm soát; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên; hoàn thành các quy hoạch phát triển tổng thể và phát triển ngành; quản lý đô thị, đất đai, tài nguyên có nhiều tiến bộ; hạ tầng đô thị và nông thôn được quan tâm đầu tư, bộ mặt đô thị, nông thôn có chuyển biến tích cực rõ rệt; sự nghiệp văn hoá xã hội được đẩy mạnh và có nhiều chuyển biến tích cực; công tác cải cách hành chính, môi trường đầu tư được đánh giá cải thiện hơn; quốc phòng được củng cố, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; công tác đối ngoại được mở rộng.

Hà Nội đã phát huy ngày càng tốt hơn vị thế, vai trò, trách nhiệm của Thủ đô, xứng đáng là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế của đất nước. Với quy mô diện tích bằng 1%, dân số gần bằng 8%, nhưng Hà Nội đóng góp 13,1% GDP và 16,5% tổng thu ngân sách của cả nước.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH 5 NĂM 2016-2020

I. Dự báo khó khăn và thuận lợi

Tình hình thế giới, khu vực: Tình hình chính trị, an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, khó lường; tình trạng khủng bố, xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, bạo loạn, lật đổ tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều nơi; chủ trương, chính sách và các hoạt động khó lường của Trung Quốc;... là những thách thức đối với cả nước và Hà Nội trong phát triển KT-XH, tuy nhiên, hoà bình, hợp tác để phát triển vẫn là xu thế lớn. Những tác động về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trên thế giới vẫn diễn biến khó lường. Kinh tế thế giới phục hồi chậm, còn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp, khó nhận diện, nhất là biến động về tỷ giá các đồng tiền, tuy nhiên, Châu Á vẫn là khu vực phát triển năng động, tạo ra làn sóng đầu tư FDI thứ ba.

Tình hình trong nước: Việt Nam là thành viên đầy đủ của các tổ chức kinh tế quốc tế: cộng đồng kinh tế ASEAN, WTO, đồng thời, gia nhập các hiệp định đa phương: TPP, liên minh hải quan Nga - Belarus - Kazakhstan, hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU,... Vốn đầu tư nước ngoài dự báo sẽ tăng. Cạnh tranh để tồn tại và mở rộng thị trường ngày càng quyết liệt hơn. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn hiện hữu. Các thế lực thù địch vẫn tăng cường thực hiện âm mưu «diễn biến hòa bình», lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc để chống phá.

Thủ đô Hà Nội có những khó khăn, thách thức riêng. Kinh tế bộc lộ rõ hơn yếu kém trong quá trình hội nhập: các ngành công nghiệp gia công có giá trị gia tăng, năng suất và trình độ quản lý thấp không thể cạnh tranh trên thị trường; thị trường bán lẻ cạnh tranh ngày càng gay gắt; doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với vấn đề sở hữu trí tuệ, nhãn mác, xuất xứ hàng hóa; nguy cơ lạc hậu và tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình luôn hiện hữu; giá thuê đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh ngày càng cao dẫn đến một số doanh nghiệp di dời ra các địa phương có giá thuê rẻ hơn;... Ngoài ra, cơ sở hạ tầng còn yếu và thiếu; sự chênh lệch về mức độ phát triển giữa các vùng, miền; khoảng cách giàu - nghèo còn lớn,... là những cản trở trong tổ chức quản lý và triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH.

Tuy nhiên, Hà Nội có những thuận lợi cơ bản: giàu tài nguyên xã hội, nhân văn; Hà Nội kế thừa những thành quả của 30 năm đổi mới, phát huy những kinh nghiệm đã tích lũy trong khai thác nguồn lực, trong chỉ đạo điều hành, và tận dụng những cơ hội do vị thế của đất nước sau những kết quả của thời kỳ đổi mới. Luật Thủ đô và các cơ chế, chính sách cụ thể hóa Luật dân đi vào cuộc sống, Hà Nội tiếp tục nhận được sự quan tâm của Trung ương, sự quyết tâm và trách nhiệm của các cấp chính quyền và nhân dân trong xây dựng và phát triển là những thuận lợi cơ bản thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ phát triển KT-XH giai đoạn 2016-2020.

II. Mục tiêu và chỉ tiêu phát triển giai đoạn 2016 - 2020

2.1. Mục tiêu tổng quát

Huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại. Kinh tế tăng trưởng cao hơn, cơ cấu chuyển dịch theo đúng định hướng: dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, có nhiều sản phẩm với hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và quản lý đô thị; xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH ngày càng đồng bộ, hiện đại, môi trường bền vững. Văn hóa - xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc; quan hệ đối ngoại được mở rộng, nâng cao vị thế và uy tín của Thủ đô. Phát huy vai trò đầu tàu, trung tâm phát triển của Vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

2.2. Nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá

(1) Phát huy tiềm năng và thế mạnh của Thủ đô, đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức, đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, bảo đảm kinh tế Thủ đô phát triển nhanh, bền vững; bảo đảm an sinh xã hội, tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

(2) Làm tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; xây dựng, quản lý, phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới, gắn với quản lý tốt tài nguyên, cải thiện chất lượng môi trường.

(3) Tích cực phát triển sự nghiệp văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh; bảo đảm an sinh, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học và công nghệ, văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh CNH, HĐH Thủ đô.

(4) Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục mở rộng, nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác, đối ngoại, hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế, uy tín của Thủ đô.

Các khâu đột phá

(1) Phát triển đồng bộ, hiện đại hóa từng bước kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn.

(2) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo bước chuyển biến mạnh về kỷ luật, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm, chất lượng phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức; cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy, nâng cao hiệu quả đầu tư và sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thủ đô.

(3) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh và phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

2.3. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020

(1) Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016-2020: 8,5-9,0%, trong đó: dịch vụ 7,8-8,3%, công nghiệp - xây dựng 10-10,5%, nông nghiệp 3,5- 4%.

(2) Cơ cấu kinh tế năm 2020: Dịch vụ 67-67,5%, công nghiệp - xây dựng 30-30,5%, nông nghiệp 2,5-3,0%²⁵.

(3) GRDP bình quân/người: 140-145 triệu đồng (khoảng 6.700-6.800 USD).

²⁵ Chỉ tiêu liên quan GRDP giai đoạn 2016-2020 xây dựng trên cơ sở cách tính mới (xem phụ lục 2)

(4) Huy động vốn đầu tư xã hội giai đoạn 2016-2020: khoảng 2.500-2.600 nghìn tỷ đồng (tương đương mức tăng: 12%/năm).

(5) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: trên 80%.

(6) Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hoá: 72%; làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Làng văn hoá: 62%; gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa: 88%.

(7) Tỷ lệ trường công lập (mầm non, tiểu học, THCS, THPT) đạt chuẩn quốc gia: 65-70%.

(8) Số giường bệnh/vạn dân: 26,5; số bác sĩ/vạn dân: 13,5; tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới của Bộ Y tế): 100%.

(9) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2020: 85%.

(10) Năng suất lao động xã hội tăng bình quân: 6,5%/năm.

(11) Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo: 70 - 75%.

(12) Tỷ lệ thất nghiệp thành thị: dưới 4%.

(13) Tỷ lệ hộ nghèo cuối kỳ (theo chuẩn mới): dưới 1,2%.

(14) Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh: 100%; tỷ lệ hộ dân đô thị được sử dụng nước sạch: 95-100%.

(15) Tỷ lệ đô thị hóa năm 2020: 58-60%.

(16) Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam: khu vực đô thị 95-100%; khu vực nông thôn 90-95%. Tỷ lệ Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc quy chuẩn quốc gia tương ứng: 100%. Tỷ lệ chất thải nguy hại, chất thải y tế được xử lý: 95-100%.

III. Kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực cụ thể

3.1. Phát triển kinh tế

Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp hiệu quả giữa phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế tri thức, nâng cao năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực. Lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ (KH-CN), thúc đẩy nghiên cứu và phát triển (R&D), nhập khẩu công nghệ mới; thực hiện phương thức quản lý, quản trị hiện đại.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên cả 3 lĩnh vực: kinh tế ngành, kinh tế vùng và các thành phần kinh tế. Phát triển các ngành, lĩnh vực trình độ cao, chất lượng cao.

Cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công; phát huy vai trò quyết định của nội lực, đồng thời thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; phát triển đồng bộ, vững chắc các loại thị trường; cơ cấu lại thị trường tài chính tiền tệ, trong đó tiếp tục cơ cấu lại các tổ chức tín dụng trên địa bàn Hà Nội, trọng tâm là hệ thống các ngân hàng thương mại; từng bước xây dựng Hà Nội thành trung tâm tài chính - ngân hàng trong khu vực ASEAN; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các

Tổng công ty và doanh nghiệp lớn; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển các vùng chuyên canh và xây dựng nông thôn mới.

Phát huy tiềm năng, lợi thế và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; khuyến khích tinh thần doanh nhân, khai thác triệt để tiềm năng, lợi thế, nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng tăng trưởng, khả năng cạnh tranh và tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Định hướng phát triển trên các lĩnh vực chủ yếu như sau:

a) Phát triển các lĩnh vực dịch vụ:

Tập trung phát triển mạnh các phân ngành, lĩnh vực có thế mạnh, nhất là các dịch vụ trình độ cao, chất lượng cao. Phát triển một số ngành có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, như: dịch vụ hàng không, viễn thông, CNTT, khoa học công nghệ.

Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, phát triển Hà Nội thành trung tâm dịch vụ chất lượng cao của vùng, cả nước và khu vực như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán; từng bước xây dựng Hà Nội thành trung tâm tài chính - ngân hàng trong khu vực. Phát triển các điểm thông quan nội địa, các loại hình dịch vụ: tư vấn, giáo dục đào tạo, y tế, đô thị, văn hóa, thông tin, thể thao, việc làm. Xây dựng và đưa vào hoạt động 02 Trung tâm logistics.

Tiếp tục phát triển hệ thống trung tâm thương mại, mạng lưới siêu thị, trung tâm bán buôn, chợ theo hướng văn minh, hiện đại và theo quy hoạch; xây dựng Hà Nội thành trung tâm thị trường hàng hóa bán buôn; thiết lập, củng cố và phát triển các kênh phân phối hàng hóa và dịch vụ theo hướng văn minh hiện đại. Xây dựng các chợ đầu mối. Phân bổ hợp lý mạng lưới cơ sở dịch vụ, nhất là mạng lưới siêu thị, cửa hàng tự chọn, mạng lưới chợ, mạng lưới ngân hàng và hệ thống khách sạn trên địa bàn Thành phố. Tận dụng tối đa các cơ hội hội nhập (AEC, TPP) để đẩy mạnh xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu.

Tiếp tục giữ vai trò là một trong những trung tâm du lịch, là nguồn phân phối du khách lớn của khu vực phía Bắc. Tập trung xây dựng du lịch Thủ đô phát triển mạnh cả về quy mô và chất lượng dịch vụ; phát huy hiệu quả vai trò trung tâm phân phối khách du lịch lớn nhất của khu vực phía Bắc, cầu nối đưa khách du lịch trong ASEAN và các nước trong khu vực. Quan tâm quy hoạch mạng lưới và xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng hóa sản phẩm có tính liên kết vùng, nhất là sản phẩm du lịch gắn với các di sản thế giới, quốc gia trên địa bàn Thủ đô, trong Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Vùng Thủ đô. Chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch liên kết trong Vùng, trong toàn quốc và với thủ đô, thành phố của các quốc gia trên thế giới. Phân đầu lượng du khách hàng năm tăng 10% và đến năm 2020 đón 4,1-4,7 triệu khách quốc tế.

b) Phát triển ngành công nghiệp, xây dựng:

Căn cứ định hướng phát triển KT-XH, thực trạng phân bố dân cư, sự phát triển của các vùng, miền và quan hệ của các ngành kinh tế, giai đoạn 2016-2020 cần đặc biệt quan tâm tạo sự đột phá phát triển và tái cơ cấu ngành công nghiệp tại các khu vực ven đô, vùng nông thôn để tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy các ngành kinh tế

khác phát triển, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế nhanh và bền vững, trọng tâm là một số lĩnh vực sau:

Rà soát phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp chủ lực, mũi nhọn giai đoạn 2016-2020. Tập trung phát triển nhanh một số ngành, sản phẩm công nghiệp có tính chất dẫn đường như: CNTT, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo khuôn mẫu; các ngành và sản phẩm đòi hỏi công nghệ cao, công nghiệp điện tử, cơ khí chính xác, dụng cụ y tế, công nghiệp dược, hoá mỹ phẩm,...

Phát triển Hà Nội trở thành trung tâm công nghiệp CNTT của cả nước, từng bước trở thành trung tâm mạnh về công nghiệp phần mềm, nội dung số và công nghiệp phần cứng trong khu vực. Xây dựng ngành công nghiệp CNTT trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của Thành phố.

Khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ, đẩy mạnh tham gia mạng lưới sản xuất công nghiệp hỗ trợ toàn cầu; sản xuất các loại động cơ nhỏ, các sản phẩm điện cơ, cơ khí chính xác, dụng cụ học tập, dụng cụ thí nghiệm, các chi tiết máy hiện đại, các sản phẩm tiêu dùng cao cấp, máy móc, thiết bị văn phòng; ngành hóa dược và hóa mỹ phẩm thành một ngành công nghiệp mũi nhọn, đi ngay vào công nghệ hiện đại; phát triển các trung tâm cung cấp dịch vụ, trung tâm nghiên cứu thiết kế mẫu thời trang cao cấp, làm tổng đại lý; có cơ chế khuyến khích nghiên cứu tìm ra và sử dụng các loại vật liệu mới thay thế các vật liệu truyền thống, thân thiện với môi trường. Đầu tư ứng dụng kỹ thuật mới, tiên tiến vào sản xuất các loại vật liệu mới, vật liệu cao cấp, vật liệu tổng hợp phục vụ sản xuất công nghiệp và xây dựng.

Thu hút, kêu gọi đầu tư bảo đảm đủ nguồn vốn để hoàn thiện các khu, CCN hiện có. Xây dựng mới và mở rộng một số KCN: Khu công viên CNTT Hà Nội, Khu công viên công nghệ phần mềm Hà Nội, KCN Quang Minh II, KCN sạch Sóc Sơn, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội và các KCN, CCN theo quy hoạch.

Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp theo chuỗi giá trị toàn cầu, phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ, tạo ra một mạng lưới các vệ tinh sản xuất và xuất khẩu cho các công ty lớn.

Tiếp tục thực hiện di chuyển những cơ sở sản xuất gây ô nhiễm cao, điều kiện sản xuất không thích hợp ra xa khu vực nội đô. Hoàn thiện xây dựng, vận hành các trạm xử lý nước thải tại các CCN hiện có theo hướng tiết kiệm, hiệu quả.

Tiếp tục phát triển các làng nghề, phố nghề truyền thống theo hướng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao. Phát triển mạnh mẽ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo ra một mạng lưới các vệ tinh sản xuất và xuất khẩu. Kết hợp giữa phát triển các làng nghề với phát triển du lịch. Xây dựng các CCN làng nghề tập trung theo quy hoạch, tách sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

c) Phát triển nông nghiệp:

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hàng hóa và Hà Nội trở thành một Trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch của cả nước. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ hiện đại và kỹ thuật sản xuất tiên tiến, tạo ra sản phẩm sạch, có chất lượng cao. Mở rộng các vùng chuyên canh, các vành đai xanh, các tuyến nông nghiệp sinh thái. Kêu gọi đầu tư xây dựng khu nông nghiệp

ứng dụng công nghệ cao, trung tâm giống thủy sản công nghệ cao, trạm thực nghiệm sản xuất giống cây trồng công nghệ cao; trạm thụ tinh nhân tạo cho bò và lợn công nghệ cao. Phần đầu ngành chăn nuôi và dịch vụ chiếm 54,5% giá trị sản xuất nông nghiệp vào năm 2020.

Phát triển chăn nuôi, thủy sản mô hình trang trại tập trung ngoài khu dân cư, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường sinh thái. Cơ cấu lại đàn vật nuôi theo lợi thế và thị trường; tăng tỷ trọng gia cầm và đàn bò sữa, chăn nuôi lợn và gia súc lớn; từng bước phát triển chăn nuôi lợn trên địa bàn theo hướng sản xuất giống; chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại; khuyến khích các vùng chăn nuôi xa khu dân cư; duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và ứng dụng công nghệ cao. Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ giá trị chăn nuôi gia súc, gia cầm ứng dụng công nghệ cao chiếm 45% tổng giá trị sản xuất chăn nuôi toàn Thành phố. Từng bước đưa chăn nuôi lợn theo hướng sản xuất giống.

Phát triển thủy sản theo hướng tập trung thâm canh, tăng nhanh năng suất, phát triển bền vững. Rà soát diện tích nuôi trồng thủy sản, khuyến khích nuôi công nghiệp trên cả diện rộng và quy mô nhỏ, áp dụng thâm canh, công nghệ cao, thực hành nuôi tốt (GAP) theo quy chuẩn. Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ giá trị thủy sản ứng dụng công nghệ cao chiếm 10% tổng giá trị sản xuất thủy sản toàn Thành phố.

Ưu tiên phát triển lúa hàng hóa chất lượng cao; tăng sản xuất rau an toàn, cây ăn quả, hoa cây cảnh, nhằm nâng cao hiệu quả canh tác. Mở rộng diện tích gieo trồng những giống lúa chất lượng cao, phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; chuyển đổi diện tích lúa không hiệu quả sang các loại cây, con khác có giá trị cao; tiếp tục mở rộng diện tích và tăng sản lượng các loại cây trồng có thị trường tốt (ngô, đậu tương, rau an toàn, hoa công nghệ cao...). Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ sản xuất ứng dụng công nghệ cao: rau chiếm 6-8% tổng giá trị sản xuất RAT, 25-30% đối với cây hoa, 15-20% đối với cây ăn quả, 35-40% đối với cây chè trên toàn Thành phố.

Khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên cơ sở phát triển mạnh các hình thức hợp tác, liên kết giữa hộ gia đình với các tổ chức tín dụng, tổ chức khoa học, công nghệ và doanh nghiệp. Xây dựng, tổng kết và chỉ đạo nhân rộng các mô hình sản xuất nông, lâm, thủy sản có hiệu quả như mô hình lúa chất lượng cao, rau an toàn, cây ăn quả, hoa cây cảnh, chăn nuôi công nghiệp, mô hình kinh tế trang trại, nuôi thủy sản tập trung.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp để tạo ra thực phẩm sạch, thực phẩm an toàn; các mô hình sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ kinh tế hộ với doanh nghiệp, với thị trường. Hình thành các tổ hợp nông – công nghiệp – dịch vụ ở ngoại thành. Tạo môi trường thuận lợi để hình thành và phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp nông thôn, nhất là trong lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản, sử dụng nguyên liệu và thu hút nhiều lao động tại chỗ, các doanh nghiệp dịch vụ vật tư, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản.

Tạo điều kiện cho hộ nông dân dần dần đổi thửa, cho thuê đất, tích tụ tập trung đất; tiếp tục chuyển đổi mô hình sản xuất kinh tế hộ sang sản xuất quy mô lớn, theo hướng phát triển trang trại, gia trại nhằm tăng năng suất lao động và năng lực cạnh

tranh của sản phẩm. Tăng cường củng cố, hỗ trợ và nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã nông nghiệp. Xây dựng và thực hiện chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề nhằm tạo thêm việc làm và thu nhập gắn với phát triển du lịch, phát huy bản sắc vùng, miền. Tiếp tục xây dựng mô hình chuỗi các cửa hàng bán nông sản sạch, trước mắt tập trung tại các chợ, khu đông dân cư...

Phát triển, quản lý, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan du lịch, bảo tồn quỹ gen. Ưu tiên tập trung phát triển và tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng của toàn Thành phố; nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng trồng đáp ứng tiêu chí bền vững và phát triển dịch vụ môi trường rừng.

d) Phát triển nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân

Xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch, có kinh tế - xã hội phát triển bền vững, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; cơ sở hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, giàu bản sắc văn hóa, đảm bảo môi trường sinh thái, cảnh quan sạch, đẹp, gắn kết hợp lý giữa phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và đô thị.

Huy động mạnh mẽ các nguồn lực, phát triển hạ tầng KT-XH nông thôn; ưu tiên cải tạo, nâng cấp, phát triển các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống, bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh và giữ gìn cảnh quan môi trường sạch, đẹp. Có cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất đối với đồng bào dân tộc miền núi của Thủ đô để sớm hoàn thành mục tiêu giảm nghèo bền vững và phấn đấu đến năm 2020 không còn xã, thôn khó khăn.

Từng bước nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nông dân trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, phát triển làng nghề; phấn đấu đến năm 2020, bình quân đạt 49 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ lao động nông nghiệp còn dưới 20% lao động xã hội. Tổ chức đánh giá lại kết quả các tiêu chí nông thôn mới đối với các xã đã đạt chuẩn để thực hiện nâng cấp các chỉ tiêu này.

Huy động đầu tư xây dựng, nâng cấp, đồng thời sử dụng, khai thác có hiệu quả các công trình văn hóa, thể thao, hạ tầng thông tin, giải trí, thư viện nông thôn để từng bước cải thiện và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nông dân. Chú trọng, quan tâm công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân khu vực nông thôn, mở rộng hình thức bảo hiểm y tế tự nguyện cho nông dân, đạt 70-80% trở lên.

e) Phát triển doanh nghiệp và tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước

Tiếp tục tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác sắp xếp, cổ phần hóa. Xây dựng, thực hiện hoàn thành kế hoạch sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, trong đó, Nhà nước chỉ nắm giữ cổ phần tại các doanh nghiệp theo quy định nhà nước nắm cổ phần chi phối (trên 50% vốn điều lệ), đồng thời bán hết cổ phần đối với các doanh nghiệp Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần.

Tăng cường giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn nhà nước; nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước.

Tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường trên địa bàn, phát triển mạnh các thành phần kinh tế, đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp.

Tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: bất động sản, đầu tư, xây dựng, tài chính, ngân hàng, thương mại, du lịch,...

Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp; coi doanh nghiệp là đối tượng phục vụ, tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi nhất cho các loại hình doanh nghiệp đầu tư, phát triển theo quy định của pháp luật; khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân, các doanh nghiệp nhỏ và vừa và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; khuyến khích khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

3.2. Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

a) Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch

Hoàn thiện, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các quy hoạch phát triển, trọng tâm là triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó tích hợp đồng bộ với các quy hoạch ngành, lĩnh vực Giáo dục & đào tạo, Y tế, Du lịch, Giao thông vận tải; Quy hoạch bảo vệ môi trường, Quy hoạch phòng chống lũ chi tiết của từng tuyến đê, Quy hoạch làng nghề Bát Tràng và Vạn Phúc, Quy hoạch các KCN, khu công nghệ cao, Quy hoạch các biển quảng cáo,... Tăng cường công tác quản lý quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

Hoàn thành quy hoạch không gian kiến trúc đô thị tiêu biểu; chú trọng bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa, không gian, cảnh quan, kiến trúc, phố cổ, làng cổ, thành cổ đặc trưng của Thủ đô.

Thực hiện Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch chi tiết xây dựng hai bên tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài và cơ chế, chính sách đặc thù của Thủ tướng Chính phủ để đầu tư phát triển khu vực trên.

b) Phát triển hệ thống hạ tầng giao thông

Ưu tiên đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông phục vụ phát triển đô thị, tập trung phát triển giao thông công cộng; xây dựng lộ trình từng bước hạn chế phương tiện giao thông cá nhân sau năm 2020 nhằm giảm ùn tắc giao thông. Hoàn thiện và đưa vào sử dụng hai tuyến đường sắt đô thị: Hà Đông - Cát Linh, Nhòn - Ga Hà Nội, triển khai tuyến đường sắt Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo, nghiên cứu, kêu gọi đầu tư các tuyến đường sắt đô thị còn lại. Cơ bản hoàn thành các tuyến đường vành đai: vành đai 1 (đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục); vành đai 2 (đoạn Ngã Tư Vọng - Vĩnh Tuy), vành đai 2 trên cao (Vĩnh Tuy - Ngã Tư Sở); các đoạn vành đai 2,5; vành đai 3 dưới đất và trên cao, đoạn Mai Dịch - Nam Thăng Long; một số đoạn vành đai 3,5: từ cầu Thượng Cát - đường 32 - đại lộ Thăng Long, Hà Đông - cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ. Triển khai các đoạn đường vành đai 4 trên địa bàn Hà Nội: từ cao tốc Hà Nội - Lào Cai đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, phối hợp với Bộ GTVT triển khai đoạn từ cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ đến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đoạn trên địa bàn Hà Nội,... Nâng cấp mở rộng các trục chính hướng tâm: quốc lộ 1A cũ đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi - Cầu Giẽ, Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai, trục Hồ Tây - Ba Vì: đoạn từ vành đai 3 (Hoàn Quốc Việt) đến Quốc lộ 32. Xây dựng các cầu lớn vượt sông: cầu Tư Liên, cầu (hầm chui) Trần Hưng Đạo qua sông Hồng, cầu Thượng Cát, cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2, cầu

Đường 2, cầu Giang Biên; cải tạo, xây dựng các tuyến đường trục chính đô thị, các tuyến đường tỉnh lộ qua các huyện và đường chính đô thị khu vực,... Tiếp tục xây dựng, hiện đại hóa hệ thống quản lý giao thông và mạng lưới giao thông tỉnh. Quy hoạch, xây dựng và phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông ở ngoại thành để thực hiện di dời các cơ sở công nghiệp, trường đại học, các trung tâm, viện nghiên cứu và bệnh viện theo quy hoạch.

c) Phát triển các khu đô thị mới, đồng thời cải tạo, chỉnh trang và tăng cường quản lý đô thị

Tiếp tục triển khai chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, xây dựng các khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại, kết hợp với chỉnh trang các đô thị cũ. Rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển đô thị; phấn đấu đưa tỷ lệ diện tích nhà ở đô thị bình quân đầu người toàn Thành phố đến năm 2020 đạt 29 m²/người; tập trung phát triển nhà ở xã hội. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực kinh tế tham gia cải tạo chung cư cũ trên địa bàn.

Triển khai thu hút đầu tư và thực hiện dự án đô thị trục Nhật Tân – Nội Bài.

Thu hút đầu tư và tập trung phát triển các đô thị vệ tinh theo lộ trình. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương triển khai đồng bộ, có hiệu quả các công trình trọng điểm quốc gia trên địa bàn.

Xây dựng thành phố Hà Nội trở thành một đô thị xanh, văn hiến, văn minh, hiện đại, có bản sắc trên nền tảng phát triển bền vững. Huy động mọi nguồn lực để sớm hoàn thành xây dựng, cải tạo hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và hồ nước trên địa bàn Thành phố theo quy hoạch đã được duyệt. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp, phát triển các loại hình chiếu sáng. Tiếp tục “ngâm hóa” kết hợp với chỉnh trang đô thị 80-90% các đường dây, cáp đi nổi khu vực nội thành và 50-60% khu vực ngoại thành. Gắn quy hoạch xây dựng Thành phố với phát triển không gian của vùng Thủ đô Hà Nội, các vùng của Bắc Bộ và trong cả nước.

Thực hiện tốt các mục tiêu đảm bảo trật tự xây dựng và văn minh đô thị, nhất là đảm bảo trật tự, kỷ cương an toàn giao thông. Tăng cường kiểm tra quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao cấp đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các dự án sử dụng đất nhưng chậm triển khai, để hoang hóa; giám sát xây dựng theo quy hoạch. Khai thác có hiệu quả việc sử dụng hồ nước, công viên, vườn hoa, cây xanh, hệ thống chiếu sáng. Mở rộng và nâng cao chất lượng xã hội hóa các dịch vụ đô thị.

e) Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên có hiệu quả và bền vững

Xây dựng, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý các loại tài nguyên đất, khoáng sản, nước, rừng, nguồn lợi thủy sản, năng lượng tái tạo. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới để sản xuất các loại nguyên, nhiên, vật liệu mới có thể thay thế các loại vật liệu truyền thống. Thực hiện các chế tài thúc đẩy sử dụng chất thải có thể tái chế làm nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất công nghiệp: lựa chọn công nghệ tái chế, thu hồi là công nghệ chủ đạo; hướng tới mô hình xử lý rác thải 3R (giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế) hoàn chỉnh.

Xây dựng, thực hiện các cơ chế quản lý, giám sát minh bạch việc sử dụng các loại tài nguyên; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động thực hiện đầu tư khai thác khoáng sản. Hoàn thành đánh giá trữ lượng, chất lượng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên nước để quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững; cải tạo, phục hồi các hồ nước, dòng sông, đoạn sông, nguồn nước cạn kiệt, bị ô nhiễm.

f) Chuyển biến mạnh mẽ trong bảo vệ môi trường

Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, mục tiêu quốc gia về bảo vệ môi trường. Khuyến khích đầu tư bảo vệ môi trường bằng nguồn vốn xã hội hóa. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, đẩy mạnh các hoạt động của cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Tập trung xử lý kịp thời các điểm gây ô nhiễm, nhất là ở các làng nghề, các KCN, CCN.

Quy hoạch đồng bộ hệ thống cấp, thoát nước giữa các khu đô thị mới và cũ. Cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước, giải quyết hiệu quả tình trạng ngập úng. Xây dựng, mở rộng một số nhà máy cấp nước, khai thác nguồn nước mặt, ưu tiên nâng cao chất lượng cấp nước khu vực đô thị và phát triển cấp nước sạch khu vực nông thôn (các nhà máy nước mặt: sông Hồng 300.000 m³/ngày đêm; sông Đuống 150.000 m³/ngày đêm; nâng công suất nhà máy nước mặt sông Đà giai đoạn 2 lên 600.000 m³/ngày đêm); triển khai xây dựng, nâng công suất các nhà máy sử dụng nước mặt; giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch. Mở rộng mạng lưới cấp nước tập trung ra các khu vực nông thôn và xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho các khu vực nông thôn còn lại. Đẩy nhanh tiến độ cải tạo, nâng cấp hệ thống mạng cấp nước.

Triển khai ứng dụng công nghệ mới, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nước của hệ thống hồ nước trên địa bàn; phát triển hệ thống thủy lợi, thoát nước và xử lý nước thải. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án cải tạo môi trường sông Nhuệ - Đáy; các chương trình chống ngập; đưa nước vào khơi thông dòng chảy các sông: Nhuệ, Đáy, Tô Lịch, Tích,... và Kế hoạch di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn Thành phố.

Tuyên truyền, giáo dục người dân phân loại rác tại nguồn. Triển khai xây dựng các khu xử lý chất thải rắn, nhà máy phân hữu cơ. Phối hợp với các tỉnh lân cận và Bộ, ngành Trung ương đầu tư xây dựng các khu liên hợp xử lý rác phục vụ liên tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Xây dựng các nhà máy xử lý rác theo công nghệ hiện đại tại xã Bắc Sơn (Sóc Sơn) theo hình thức đối tác công tư; các nhà máy và hệ thống thu gom nước thải tập trung và các trạm xử lý nước thải cục bộ, đặc biệt ở các khu đô thị mới; hoàn thành dự án xử lý nước thải Yên Xá lưu vực S1, S2, S3, S4.

Xây dựng các nhà tang lễ trên địa bàn quận, huyện của Thành phố. Chuyển hình thức mai táng truyền thống sang các hình thức mai táng sử dụng công nghệ mới, bảo đảm vệ sinh môi trường và tiết kiệm đất. Đầu tư một số cơ sở hỏa táng hiện đại đảm bảo vệ sinh môi trường.

3.3. Phát triển văn hóa, thể thao, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh

a) *Phát triển sự nghiệp văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh*

Chú trọng triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để Hà Nội thực sự trở thành trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về văn hóa; đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Thủ đô và đất nước. Quan tâm phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa; chuyển đổi sang hoạt động ngoài công lập một số nhà hát, đoàn nghệ thuật. Đẩy mạnh xây dựng và tăng cường quản lý, đầu tư, khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa từ Thành phố đến cơ sở, nhất là những công trình văn hóa trọng điểm, tiêu biểu.

Tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động, dịch vụ văn hoá, tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hoá, các hiệp hội nghề nghiệp. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư trong việc tổ chức và quản lý hoạt động văn hoá. Thực hiện tốt công tác quản lý, quan tâm đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di sản và bản sắc văn hóa; gắn phát huy giá trị các di sản và bản sắc văn hóa với phát triển du lịch; giải quyết hợp lý yêu cầu bảo tồn và phát triển. Phát huy có chọn lọc các loại hình văn hoá phi vật thể.

Đẩy mạnh phát triển văn học, nghệ thuật, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, truyền thống văn hóa, lịch sử, cách mạng, công cuộc đổi mới của Thủ đô và đất nước. Nâng cao chất lượng hoạt động của các hội nghệ thuật và Liên hiệp hội văn học, nghệ thuật. Khuyến khích các tầng lớp nhân dân Thủ đô sáng tạo, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa Thăng Long - Hà Nội và văn hoá dân tộc.

Thực hiện tốt mục tiêu xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện. Trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, nhân cách, văn hóa giao tiếp, ứng xử, lòng tự hào và tôn vinh truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và Thủ đô. Tạo chuyển biến mạnh về nhận thức, ý thức chấp hành và trách nhiệm thực thi pháp luật của người dân Thủ đô.

Khôi phục, kế thừa, phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa, nhân văn gia đình truyền thống của Thăng Long - Hà Nội, phù hợp với những yêu cầu của nếp sống công nghiệp, đô thị hiện đại; xây dựng và phát huy lối sống "Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người"; phê phán, khắc phục những mặt còn hạn chế trong giao tiếp, ứng xử, thái độ, trách nhiệm đối với cộng đồng của một bộ phận cư dân Hà Nội. Triển khai thực hiện bộ quy tắc ứng xử nơi công cộng, trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trên địa bàn. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, nghệ thuật của mỗi người dân và cộng đồng. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; xây dựng làng, xã văn hóa, thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

Phát huy hiệu quả các phong trào văn hóa - xã hội và tôn vinh những danh hiệu thi đua, điển hình tiên tiến trong các cấp, các ngành, các giới và các lĩnh vực của đời sống xã hội.

b) *Xây dựng nền thể dục, thể thao tiên tiến, nâng cao thể chất người Hà Nội*

Phát huy vị trí dẫn đầu cả nước của thể thao Hà Nội và cùng cả nước, đưa nền thể thao Việt Nam vào nhóm nước đứng đầu khu vực Đông Nam Á. Kết hợp hài hòa

giữa thể dục thể thao quần chúng và thể thao chuyên nghiệp, đặc biệt là thể thao thành tích cao theo hướng tiên tiến, hiện đại, hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao quần chúng, nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc và đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, nhất là thế hệ trẻ Thủ đô. Mở rộng các phong trào thể dục thể thao, các loại hình tập luyện, thi đấu; tuyên truyền, giáo dục thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Tiếp tục đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và phát triển mạnh thể thao thành tích cao, trong đó ưu tiên phát triển những môn thể mạnh của Hà Nội. Phát triển đội ngũ vận động viên bảo đảm đồng bộ. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, y sinh học thể thao hiện đại. Xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách đãi ngộ, khuyến khích vật chất, tinh thần đặc thù đối với đội ngũ vận động viên, huấn luyện viên và chuyên gia thể thao thành tích cao.

Đầu tư nâng cấp, xây mới một số khu liên hợp, trung tâm thể thao, cơ sở thể dục thể thao trọng điểm, đáp ứng yêu cầu đào tạo, huấn luyện, thi đấu và tổ chức các giải đấu trong nước, quốc tế. Tăng cường quản lý, phát huy hiệu quả các công trình thể thao, các trung tâm thể dục thể thao ở các quận, huyện, thị xã. Quan tâm xây dựng các cơ sở tập luyện thể dục thể thao, sân chơi tại các KCN, khu dân cư.

c) Phát triển thông tin và truyền thông

Chú trọng công tác quy hoạch, quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin, truyền thông, thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, bảo đảm tính tư tưởng, giáo dục, nhân văn và khoa học.

Hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin - truyền thông, bưu chính - viễn thông, phát thanh, truyền hình, ... đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH và hội nhập quốc tế. Sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến làm phương thức cung cấp thông tin và dịch vụ công trên toàn Thành phố đạt mức 3, 4 vào năm 2020 để mọi công dân của Hà Nội được thanh toán, trao đổi qua môi trường mạng (mạng Internet, 3G, 4G). Ứng dụng CNTT trong việc xây dựng hệ thống thiết bị giao ban trực tuyến từ Thành phố xuống cấp huyện. Đầu tư nâng cấp, phát triển hệ thống bưu điện văn hóa xã, nhất là tại các khu vực khó khăn, miền núi.

3.4. Phát triển khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Khoa học – công nghệ

Khoa học – công nghệ là nền tảng và động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy phát triển nhanh, mạnh và bền vững là nhân tố quan trọng trong yếu tố năng suất tổng hợp (TFP). Ưu tiên sử dụng công nghệ hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường, trước mắt khuyến khích sử dụng trong các ngành và lĩnh vực sản xuất có tác dụng lan truyền mạnh, có khả năng thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành và lĩnh vực sản xuất khác. Hàng năm đảm bảo 2% tổng chi ngân sách.

Khai thác, phát huy có hiệu quả tiềm lực, xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và có vị trí cao về một số lĩnh vực trong khu vực; trong đó, đặc biệt quan tâm khai thác, phát huy tiềm năng “chất xám” của đội ngũ trí thức, các viện nghiên cứu, trường đại học trên

địa bàn Thủ đô. Đẩy mạnh phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, phát triển kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô. Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước; quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống các cơ quan nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố. Hoàn thành đúng tiến độ, đưa vào sử dụng có hiệu quả các dự án xây dựng hạ tầng khoa học và công nghệ đã được phê duyệt. Phối hợp với các cơ quan Trung ương đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Khu công nghệ cao Hòa Lạc, tạo động lực cho kinh tế Thủ đô phát triển nhanh, bền vững.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển khoa học và công nghệ, trong đó đột phá là cơ chế, chính sách tài chính, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và đặc thù của Thủ đô. Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù đầu tư phát triển các ngành, cơ sở, tổ chức khoa học và công nghệ mũi nhọn, trọng điểm, nhất là các ngành công nghệ cao, các chương trình sản phẩm của Hà Nội. Tiếp tục hoàn thiện, thực hiện tốt chính sách thu hút nhân tài và nguồn nhân lực có trình độ cao ở trong nước, nước ngoài phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô.

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý thị trường khoa học và công nghệ, tạo cơ chế thông thoáng, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, đầu tư, chuyển giao các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô. Đẩy mạnh việc thương mại hóa, quy định rõ về tiêu chuẩn, chất lượng, tính khả thi, hiệu quả của sản phẩm khoa học và công nghệ trước khi ứng dụng vào thực tiễn.

Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa, mở rộng liên kết, hợp tác phát triển, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Xây dựng và chỉ đạo triển khai đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ; cơ chế phối hợp với các doanh nghiệp, học viện, trường đại học, trung tâm nghiên cứu trên địa bàn.

b) Giáo dục – đào tạo

Phát huy tối đa các nguồn lực để xây dựng Thủ đô thực sự là một trung tâm lớn, tiêu biểu hàng đầu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao của cả nước; thực hiện tốt nhiệm vụ chiến lược: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng, phát triển nhân tài; tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô, đất nước và nhu cầu học tập của nhân dân; phấn đấu đến năm 2025, giáo dục Thủ đô đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ý thức, trách nhiệm công dân cho học sinh; tăng cường trang bị và nâng cao hiệu quả sử dụng kiến thức ngoại ngữ, tin học; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, thực hiện học đi đôi với hành, phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục ở mỗi cấp học; phấn đấu đến năm 2020 có 95% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ THPT và tương đương, 90% học sinh học 2 buổi/ngày.

Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Bảo đảm 100% giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn nghề nghiệp.

Huy động các nguồn lực xã hội, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường, lớp theo hướng đồng bộ, hiện đại. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa, hiện đại hóa trường học, lớp học; rà soát quỹ đất trong các quận nội đô, ưu tiên xây dựng trường học giải quyết cơ bản tình trạng thiếu trường, lớp; có cơ chế, chính sách hỗ trợ để có mặt bằng xây dựng trường; bảo đảm đến năm 2020 số học sinh mỗi lớp, số lớp trong mỗi trường không vượt quá quy định của từng cấp học, 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng. Đẩy mạnh xây dựng mô hình trường chất lượng cao theo Luật Thủ đô; ưu tiên đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao; khuyến khích phát triển các loại hình trường ngoài công lập đáp ứng nhu cầu xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, trước hết đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; khuyến khích liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín.

c) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học - cao đẳng, bảo đảm cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực Thủ đô, trong đó ưu tiên đầu tư 03 trường cao đẳng nghề của Thành phố, đồng bộ về cơ sở vật chất và trình độ giáo viên, đảm bảo đạt chuẩn chất lượng cao của khu vực và quốc tế. Đổi mới cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả hoạt động thu hút và sử dụng nhân tài.

Có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề gắn với tiếp nhận, sử dụng lao động. Chú trọng đào tạo nhân lực có tay nghề cao, phấn đấu đến năm 2020, các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao của Thủ đô có đủ năng lực đào tạo tương đương khu vực và quốc tế.

3.5. Đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân

a) Phát triển thị trường lao động, đẩy mạnh giải quyết việc làm

Tăng cường phát triển thị trường lao động trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển các thị trường khác, như: vốn, đất đai, khoa học và công nghệ, đồng thời gắn với đẩy mạnh giải quyết việc làm, thực hiện tốt các kênh tạo việc làm như sản giao dịch, phiên giao dịch việc làm, quỹ quốc gia giải quyết việc làm ủy thác qua Ngân hàng chính sách phát triển Thành phố. Tích cực hỗ trợ, duy trì việc làm ổn định cho người lao động và bảo đảm thực hiện tốt phúc lợi xã hội; đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Tổ chức thực hiện tốt các chương trình dạy nghề, nhất là dạy nghề cho lao động nông thôn, gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Tăng cường công tác xã hội hoá trong lĩnh vực đào tạo nghề; nâng cao tỷ lệ lao động đã qua đào tạo.

b) Bảo đảm an sinh xã hội

Triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội, tập trung cho mục tiêu giảm nghèo bền vững, tăng hộ khá, nâng cao phúc lợi xã hội, hướng tới phát triển bền

vững, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội của Thành phố, chủ động bố trí nguồn lực và tăng khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội, nhất là y tế, giáo dục, dạy nghề, trợ giúp pháp lý, nhà ở,... Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo trên địa bàn Thành phố. Thường xuyên chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân, nhất là các hộ nghèo, các hộ cận nghèo, gia đình chính sách, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các khu vực xa trung tâm Thành phố.

Thường xuyên quan tâm, chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các đối tượng chính sách, người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” bằng các chương trình cụ thể và việc làm thiết thực. Thực hiện tốt các chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc của Thủ đô.

c) Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng mạng lưới y tế dự phòng nhằm đẩy mạnh công tác phòng bệnh. Tăng cường khả năng dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế các dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra, giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong. Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các bệnh viện tuyến Thành phố; sắp xếp hợp lý các bệnh viện đa khoa tuyến huyện theo địa bàn cụm dân cư. Tiếp tục kiện toàn tổ chức mạng lưới, củng cố và hoàn thiện các trung tâm y tế, phòng khám đa khoa, trạm y tế xã, phường, v.v... về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ của y tế tuyến cơ sở, giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên.

Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và y đức của đội ngũ cán bộ ngành y tế. Phát triển y tế phổ cập, bác sỹ gia đình, gắn với chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Hiện đại hoá và phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Phát triển một số lĩnh vực khám, chữa bệnh đạt trình độ chuyên sâu, chất lượng cao hàng đầu cả nước; đẩy mạnh xã hội hóa đi đôi với tăng cường quản lý trong lĩnh vực y tế, nhất là hoạt động y, dược tư nhân.

Chủ động duy trì mức sinh thấp hợp lý, khống chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh. Tăng cường lồng ghép các yếu tố về dân số vào việc hoạch định chính sách, lập quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH ở các cấp, các ngành. Tiếp tục đổi mới công tác truyền thông, tăng cường phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về dân số, sức khỏe sinh sản, đặc biệt là chính sách, pháp luật về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh. Nâng cao chất lượng dân số, kế hoạch hóa gia đình, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ sức khỏe sinh sản có chất lượng. Triển khai thực hiện chiến lược dân số, sức khỏe sinh sản giai đoạn 2016-2020.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động Quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2011-2020, các chính sách, văn bản pháp lý phù hợp với Công ước Quốc tế về bảo vệ quyền trẻ em, các văn bản quy phạm, quy định khác mà Nhà nước và Thành phố đã ban hành, hướng dẫn thực hiện, bảo đảm trẻ em, nhất là trẻ em nghèo, đối tượng chính sách và người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, được thụ hưởng đầy đủ các quyền lợi.

d) Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm và huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân tích cực đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn nghiện hút ma túy, mại dâm, cờ bạc, cướp giết. Tiếp tục nhân rộng và nâng cao chất lượng mô hình xã, phường, địa bàn dân cư, cơ quan, trường học không có tệ nạn xã hội.

Nâng cao chất lượng quản lý, giáo dục, chữa trị tại các trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác cai nghiện tự nguyện. Giảm dần tội phạm về ma túy và số người nghiện; giảm tỷ lệ tái nghiện sau cai. Quan tâm thực hiện hỗ trợ, tư vấn, dạy nghề và tạo việc làm cho các đối tượng sau cai nghiện.

3.6. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng

a) Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm tốt an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô

Giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong mọi tình huống. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn, tạo môi trường hoà bình, ổn định, an ninh và an toàn để xây dựng, phát triển Thủ đô, đất nước.

Tăng cường lãnh đạo công tác bảo đảm an ninh quốc gia trong tình hình mới. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân về xây dựng thế trận an ninh nhân dân, kết hợp gắn với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tinh thần cảnh giác cách mạng của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các lực lượng chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để xảy ra các tình huống phức tạp, bất ngờ, các hoạt động khủng bố, phá hoại, gây rối, bạo loạn,... nhất là tại một số địa bàn tiềm ẩn phức tạp. Thực hiện tốt nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên là giữ vững an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô trong mọi tình huống.

Nâng cao chất lượng công tác cải cách tư pháp. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phòng, chống các loại tội phạm và vi phạm pháp luật. Chú trọng, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm: tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm sử dụng công nghệ cao,... Ngăn chặn, xử lý kịp thời các tụ điểm phức tạp về trật tự an toàn xã hội. Giảm thiểu tai nạn giao thông ở cả ba tiêu chí (số vụ, số người chết, bị thương).

Xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh, chính quy, từng bước hiện đại; phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư lệnh Thủ đô, lực lượng vũ trang trên địa bàn và công an các tỉnh, thành phố trong cả nước; tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống các loại tội phạm. Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các lực lượng trực tiếp làm công tác phòng, chống tội phạm, cảnh sát cơ động. Nâng cao hiệu quả của lực lượng cảnh sát khu vực, công an phụ trách xã, phường, thị trấn và lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, thực hiện tốt vai trò là lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở nông thôn, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn.

Xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC, lực lượng PCCC chuyên ngành, PCCC cơ sở và lực lượng dân phòng, các mô hình quản lý PCCC tại chỗ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về công tác PCCC và cứu nạn, cứu hộ theo hướng chính quy, chuyên nghiệp, từng bước hiện đại.

b) Tăng cường tiềm lực quốc phòng của Thành phố và nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang Thủ đô

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, vai trò quản lý Nhà nước của chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp đối với công tác quốc phòng và xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) “Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; xây dựng khu vực phòng thủ Thành phố đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Kết hợp giáo dục quốc phòng và an ninh với giáo dục pháp luật, giáo dục truyền thống, lịch sử văn hiến, anh hùng của Thủ đô; thực hiện có nền nếp, chất lượng công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng và học sinh, sinh viên, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, góp phần làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” và các thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Kết hợp chặt chẽ phát triển KT-XH với quốc phòng trong xây dựng, thực hiện các quy hoạch, dự án của các cấp, các ngành, các lĩnh vực...

Thực hiện tốt việc đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, dân quân tự vệ, quân nhân dự bị. Xây dựng các đơn vị bộ đội chủ lực, địa phương theo hướng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”. Bảo đảm trang bị hiện đại cho một số đơn vị đặc nhiệm phòng, chống khủng bố, cứu hộ, cứu nạn. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ “vững mạnh, rộng khắp”, hoạt động hiệu quả, thiết thực, phát huy được vai trò nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng, góp phần giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở. Tiếp tục xây dựng công trình phòng thủ của Thành phố và các quận, huyện, thị xã. Làm tốt công tác động viên công nghiệp và phòng thủ dân sự. Coi trọng xây dựng, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quân sự và cơ quan quân sự các cấp để thực hiện tốt chức năng tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quản lý, chỉ huy các đơn vị thuộc quyền. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, khả năng sẵn sàng chiến đấu, trình độ chính quy ngày càng cao, vững vàng về chính trị, nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân của Thủ đô, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

3.7. Mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác phát triển, nâng cao vị thế Thủ đô

Chủ động, tích cực nắm bắt, tận dụng các cơ hội, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao năng lực nghiên cứu, đánh giá và dự báo các vấn đề mới, xu thế vận động của hội nhập, đặc biệt trong việc thực hiện các cam kết thương mại, các FTA ở cấp độ cao hơn để điều chỉnh chính sách và biện pháp phù hợp; tăng cường các hoạt động đối ngoại, nhất là với thủ đô một số nước; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác, liên kết với một số địa phương trong vùng và cả nước.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương, nhất là trong những vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách đặc thù và triển khai các chủ trương, chính sách trên địa bàn Thành phố. Phát huy tinh thần “Hà Nội vì cả nước”; tăng cường liên

kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong vùng và cả nước trên tinh thần hiệu quả, cùng có lợi, tăng cường sự hiểu biết, trao đổi kinh nghiệm phát triển KT-XH, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền và tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Chủ động nắm bắt những cơ hội cũng như khắc phục những khó khăn, thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế. Củng cố quan hệ đã thiết lập, tích cực mở rộng hợp tác với các thủ đô, thành phố tiềm năng; chú trọng các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá du lịch, nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, thu hút đầu tư nước ngoài và tài trợ quốc tế. Nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô, tăng cường hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại. Tăng cường hội nhập kinh tế, văn hóa trong khu vực và trên thế giới với tư cách là Thủ đô thành viên cộng đồng ASEAN; đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về Thủ đô với bạn bè quốc tế.

3.8. Trọng tâm đầu tư và các dự án, công trình trọng điểm

Trọng tâm đầu tư và đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nhất là các dự án, công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 như sau:

a) Phát triển công nghiệp - thương mại - dịch vụ

Các dự án phục vụ mục tiêu thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tăng cường thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, dịch vụ:

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào phát triển các KCN; Đầu tư các trạm xử lý nước thải tại các khu, CCN hiện có đảm bảo 100% các khu, CCN được xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Đầu tư hạ tầng các chợ đầu mối của Thành phố;

- Đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển du lịch trọng điểm của Thành phố;

b) Phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Hỗ trợ hạ tầng phát triển nông nghiệp sạch, khu nông nghiệp công nghệ cao; tăng cường cơ sở vật chất các cơ sở nghiên cứu, thực nghiệm, sản xuất một số giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao; đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ nông nghiệp.

- *Xây dựng nông thôn mới*: Phấn đấu đến năm 2020, có trên 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, tiếp tục hỗ trợ đầu tư đường giao thông, kênh mương sau dồn điền đổi thửa;

- *Thủy lợi*: Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thủy lợi; đảm bảo tưới tiêu chủ động cho sản xuất nông nghiệp và dân cư nông thôn, kết hợp với hệ thống thoát nước đô thị đảm bảo tiêu thoát nước cho các đô thị.

- *Đê điều*: Tiếp tục củng cố hệ thống đê điều nhằm nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, chủ động phòng, tránh bão, lũ, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; từng bước cải tạo, nâng cấp đảm bảo an toàn 564 km đê từ cấp đặc biệt đến cấp IV.

c) Phát triển hạ tầng kỹ thuật

Các dự án phục vụ mục tiêu phát triển đồng bộ, hiện đại hóa từng bước kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn, kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển tạo diện mạo đô thị hiện đại văn minh, trong đó ưu tiên đầu tư công trình giao thông để giảm thiểu ùn tắc giao thông, ưu tiên đầu tư hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý kỹ thuật môi trường góp phần trực tiếp giải quyết vấn đề dân sinh bức xúc, cụ thể:

- *Lĩnh vực giao thông đô thị:* Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông kết nối nhanh, lan tỏa từ trung tâm ra các vùng ngoại vi, gồm:

+ Hệ thống đường trục hướng tâm: Cải tạo mở rộng quốc lộ 1 cũ (đoạn Thanh Trì - Thường Tín; Cầu Đuống - Bắc Ninh); Đường 6; Hoàng Quốc Việt kéo dài.

+ Hệ thống đường vành đai: Vành đai 1 (đoạn Hoàng Cầu - Giảng Võ); Vành đai 2 (Ngã Tư Vọng - cầu Vĩnh Tuy dưới thấp; trên cao); Vành đai 2,5 (đoạn Đầm Hồng QL1); Vành đai 3 (Mở rộng Phạm Văn Đồng đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long);

+ Vành đai 3,5: Đại lộ Thăng Long - Đường 32; Đường 70 từ Đê sông Hồng - Quốc lộ 1 (BT);

+ Một số trục đô thị lớn; Kết nối hạ tầng giao thông; các nút giảm ùn tắc giao thông. Các đường tỉnh lộ, trục chính giao thông phát triển KTXH các huyện, thị xã.

+ Tập trung đầu tư hoàn thành 02 tuyến đường sắt trên cao từ nguồn vốn ODA (Nhôn - Ga Hà Nội, Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo) và các tuyến xe buýt nhanh, tiếp nhận đưa vào sử dụng tuyến Hà Đông - Cát Linh; Hợp nhất mạng lưới vận tải công cộng toàn thành phố. Kêu gọi, chuẩn bị đầu tư các tuyến đường sắt còn lại theo quy hoạch.

- *Lĩnh vực bảo vệ môi trường:*

+ Tiếp tục đầu tư các khu xử lý chất thải theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phát triển mạng lưới theo 3 phân vùng (Vùng 1 - phía Bắc; Vùng 2 - phía Nam; Vùng 3 - phía Tây) đảm bảo đáp ứng yêu cầu thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam: khu vực đô thị 95-100%; khu vực nông thôn 90-95%. Đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường tại các KCN, CCN.

+ Xây dựng chương trình bảo vệ môi trường lưu vực sông Tô Lịch, sông Nhuệ, sông Đáy, sông Tích ... Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường tự động tại các khu vực ô nhiễm, nguy cơ ô nhiễm cao, thiết lập hệ cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường nước, không khí.

- *Lĩnh vực cấp, thoát nước:*

+ Cấp nước: Đầu tư hệ thống công trình khai thác xử lý nguồn và hệ thống mạng cung cấp nước đảm bảo tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch đến năm 2020 đối với đô thị trung tâm nội đô đạt 100% (riêng quận Bắc Từ Liêm và Nam Từ Liêm đạt tỷ lệ trên 95%); đối với các khu đô thị vệ tinh đạt 90 - 95%; đối với các khu đô thị sinh thái đạt 85 - 90%.

+ Thoát nước: Tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án thoát nước theo quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, xóa bỏ các các điểm ùng ngập trong nội thành Hà Nội.

d) Phát triển Văn hóa - xã hội

Các dự án phục vụ trực tiếp mục tiêu đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội: xây dựng mới, hoặc đầu tư nâng công suất bệnh viện nhằm giảm tải bệnh viện; xây dựng trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; xây dựng trường học giải quyết vấn đề thiếu trường, lớp học, đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; đầu tư nâng cấp các trường đào tạo nghề đạt chuẩn nghề cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế, cụ thể:

- *Lĩnh vực y tế*: Xây dựng các cụm trung tâm bệnh viện, chất lượng cao ở khu vực ngoại thành; tăng cường và hoàn thiện Trung tâm y tế chuyên sâu; xây dựng một số bệnh viện đa khoa và chuyên khoa; phát triển mạng lưới y tế dự phòng; Phấn đấu đến năm 2020 đạt chỉ tiêu số giường bệnh/vạn dân: 26,5; số bác sĩ/vạn dân: 13,5; tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới của Bộ Y tế): 100%.

- *Lĩnh vực giáo dục và đào tạo*: Đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp theo quy hoạch nhằm giải quyết tình trạng thiếu trường, lớp, chỗ học trên địa bàn Thành phố; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đối với các trường đã xuống cấp. Phấn đấu đến năm 2020, số trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 65-70%.

- *Lĩnh vực văn hóa thể thao*:

+ Hoàn thành dự án Bảo tàng Hà nội; Triển khai tu bổ, tôn tạo một số hạng mục công trình quan trọng thuộc khu di tích thành Cổ Loa và đầu tư hạ tầng và chỉnh trang khu vực Hoàng thành Thăng Long; Tu bổ các di tích cấp Quốc gia đặc biệt và di tích Quốc gia thuộc Thành phố quản lý theo phân cấp;

+ Đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cấp Thành phố: Cải tạo Cung Thiếu nhi cũ, Nhà văn hóa Học sinh sinh viên. Triển khai thực hiện xây dựng Cung Thiếu nhi mới tại Từ Liêm. Xây dựng tượng đài chiến thắng tại Cầu Giẽ-Phú Xuyên - mang ý nghĩa lịch sử cách mạng của Thủ đô.

+ Cải tạo, nâng cấp cụm các công trình luyện tập và thi đấu thể thao để đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng phục vụ Sea Games 31 năm 2021 theo Tờ trình số 25-TTr/BCS ngày 02/03/2016 của Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố).

- *Lĩnh vực lao động, thương binh, xã hội*:

+ Đầu tư dự án mua sắm trang thiết bị kết hợp đào tạo giáo viên, ban hành chương trình giáo trình của 03 Trường Cao đẳng nghề của Thành phố (Công nghệ cao Hà Nội, Công nghiệp Hà Nội, Việt Nam - Hàn Quốc) để thành các Trường chất lượng cao đạt chuẩn khu vực và quốc tế, sau đầu tư đáp ứng được một phần nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô theo quy hoạch nguồn nhân lực.

+ Đầu tư cho các dự án tăng cường cơ sở vật chất các trường dạy nghề; Hoàn thành xây dựng đưa vào khai thác sử dụng các trường nghề, trung tâm dạy nghề đang thực hiện dự án (Trung cấp nghề số 1, Trung tâm dạy nghề Ba Vì) với quy mô tuyển mới khoảng 3.000 học sinh/năm; Tiếp tục triển khai dự án đổi mới phát triển dạy nghề, đầu tư nghề trọng điểm quốc gia, khu vực ASEAN khác theo hướng dẫn của Trung ương.

+ Đầu tư cho Trung tâm Chăm sóc, Nuôi dưỡng và Điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin Thành phố và đầu tư các dự án tăng cường cơ sở vật chất các Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng Người có công với cách mạng của Thành phố.

+ Đầu tư cải tạo, sửa chữa, chống xuống cấp các cơ sở bảo trợ xã hội nhằm duy trì và bảo đảm chất lượng phục vụ các đối tượng chính sách và bảo trợ xã hội.

+ Đầu tư các dự án cải tạo nghĩa trang, hệ thống nhà tang lễ, khuyến khích XHH đầu tư.

+ Đầu tư cải tạo, sửa chữa, chống xuống cấp các Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội và các Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy của Thành phố nhằm nâng cao hiệu quả công tác chữa bệnh, cai nghiện ma túy cho đối tượng phù hợp với lộ trình chuyển đổi các Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội từ bắt buộc sang tự nguyện theo chỉ đạo của Chính phủ và Thành phố.

e) Lĩnh vực Khoa học công nghệ, Thông tin - Truyền thông

Đầu tư phục vụ mục tiêu phát triển khoa học công nghệ; phát triển và ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, Hà Nội phấn đấu đi đầu trong cả nước về xây dựng Chính quyền điện tử; hỗ trợ đầu tư các dự án hiện đại hóa hệ thống truyền thông, báo đài:

- Đầu tư xây dựng một số cơ sở nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và có vị trí cao về một số lĩnh vực trong khu vực như Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên, Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ, Trung tâm Công nghệ Sinh học và Công nghệ thực phẩm... Đầu tư nâng cao năng lực kiểm định hiệu chuẩn, thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa đạt quy mô ngang bằng các phòng thí nghiệm trong khu vực và đảm bảo đầy đủ các lĩnh vực.

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng CNTT - truyền thông, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và các dự án đảm bảo an toàn thông tin số cho chính quyền điện tử Thành phố. Đầu tư hạ tầng KCN phần mềm và nội dung số trọng điểm của Hà Nội để tạo điều kiện thu hút đầu tư, nguồn nhân lực cao trong lĩnh vực này.

- Đầu tư cho các dự án về cơ sở hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình kỹ thuật số, chuyển đổi công nghệ phát thanh, cơ sở vật chất cơ quan truyền thông của Thành phố theo lộ trình của Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

f) An ninh quốc phòng

- Xây dựng Thủ đô thành khu vực phòng thủ vững chắc, tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống các công trình phòng thủ theo quy hoạch. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở, vật chất, phát triển tiềm lực quốc phòng Thủ đô: các doanh trại, kho tàng, bãi tập, trung tâm giáo dục quốc phòng - an ninh,... Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cho các tiêu đoàn làm nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn.

- Đầu tư, hỗ trợ cơ sở vật chất lực lượng công an Thành phố và phương tiện nghiệp vụ để đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị để nâng cao sức chiến đấu và mở rộng phạm vi ứng cứu cháy, nổ phòng chống bão lụt, sẵn sàng ứng phó, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ

trong các trường hợp thiên tai, thảm họa cho các đơn vị PCCC. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, cải thiện điều kiện làm việc và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ cho các chiến sỹ làm nhiệm vụ phòng chống cháy, nổ của các đơn vị trên địa bàn.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 về đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động Tư pháp, chính sách hỗ trợ đối với các dự án ngành dọc do Trung ương quản lý trong lĩnh vực tư pháp.

www.LuatVietnam.vn

PHẦN III GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

I. Một số cân đối lớn

1.1. Cân đối thu – chi ngân sách

Dự kiến tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 dự kiến là 937.115 tỷ đồng (kế hoạch năm 2016 là 169.420 tỷ đồng), mỗi năm tăng 5%, trung bình của 5 năm là 187.423 tỷ đồng. Trong đó, thu từ hoạt động xuất - nhập khẩu 84.919 tỷ đồng, thu nội địa 837.996 tỷ đồng (167.599 tỷ đồng/năm; tăng 4,8%/năm).

Kế hoạch tổng chi ngân sách Thành phố (bao gồm cấp Thành phố và cấp huyện) năm 2016 là 73.773,15 tỷ đồng; dự kiến 5 năm 2016-2020 là 412.133 tỷ đồng (82.427 tỷ đồng/năm), trong đó, chi đầu tư phát triển là 204.400 tỷ đồng, trung bình 40.880 tỷ đồng/năm, bằng 49,6% tổng chi của Thành phố.

1.2. Về vốn đầu tư phát triển

- *Vốn đầu tư xã hội*: Để đảm bảo mức tăng trưởng GRDP từ 8,5-9,0%/năm, tổng vốn đầu tư xã hội trong 5 năm 2016-2020 cần huy động khoảng 2,5-2,6 triệu tỷ đồng (trung bình mức tăng hàng năm khoảng 12%). Trong đó, vốn đầu tư khu vực nhà nước chiếm khoảng 20,5%; vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước khoảng 73%; vốn đầu tư nước ngoài khoảng 6,5%.

- *Chi đầu tư phát triển cấp Thành phố*: dự kiến là 161.437 tỷ đồng, trong đó bố trí cho các quỹ, chi trả nợ và dự phòng là 56.503 tỷ đồng (35%); dành 44.906 tỷ đồng (28%), cho 39 công trình trọng điểm sử dụng vốn ngân sách; bố trí 14.140 tỷ đồng (9%) thực hiện CTMT quốc gia và Thành phố và hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã; dành 45.838 tỷ đồng (28%) cho các dự án XDCB tập trung của Thành phố.

II. Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch

2.1. Tuyên truyền trong cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp

Tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp để nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận xã hội và thống nhất cao trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu. Tuyên truyền về truyền thống Thủ đô anh hùng, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về hội nhập kinh tế quốc tế, về các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 2016-2020 nhằm khơi dậy, phát huy các nguồn lực xã hội để phát triển Thủ đô giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Thông tin công khai, minh bạch các luật và văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách phát triển KT-XH của Đảng, Nhà nước và Thành phố, về khuyến khích sản xuất - kinh doanh, xã hội hóa đầu tư, quy hoạch, kế hoạch... Nâng cao hiệu quả hoạt động công báo điện tử của Thành phố để công khai kịp thời các văn bản, chính sách.

Tập trung đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền phổ biến kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao nhận thức trong hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, địa phương và toàn xã hội về Cộng đồng ASEAN, Hiệp định TPP và các hiệp định thương mại tự do khác, nhất là những cơ hội, thách thức, quyền lợi và nghĩa vụ trong các hiệp định, thoả thuận, thông tin thị trường về xuất nhập khẩu hàng hoá, các

điều kiện để hàng hoá xuất khẩu được hưởng ưu đãi thuế quan, các cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại,...

2.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh

Khuyến khích phát triển thị trường hàng hoá - dịch vụ và nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá - dịch vụ, xây dựng các thương hiệu mạnh cho hàng hóa Thủ đô; đảm bảo cung ứng hàng hoá cả về số lượng và chất lượng, chủ động nhóm hàng hóa trong diện "bình ôn"; chú trọng phát triển cả thị trường khu vực đô thị và vùng nông thôn ngoại thành, đồng thời giữ vững và mở rộng thị trường quốc tế.

Từng bước phát triển thị trường tài chính - tiền tệ theo hướng bền vững, chất lượng, gắn với hội nhập; phát triển thị trường tài chính đồng bộ với cơ cấu gồm thị trường vốn trung, dài hạn và thị trường tín dụng ngắn hạn (ngân hàng, các quỹ tín dụng, quỹ bảo hiểm, quỹ đầu tư...) phù hợp với điều kiện KT-XH Thủ đô. Kiện toàn hệ thống các ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, quỹ tín dụng; nghiên cứu áp dụng linh hoạt cơ chế hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhất là trong bối cảnh khó khăn, suy giảm kinh tế hiện nay.

Phát triển thị trường đất đai; bảo đảm thu về cho ngân sách kết hợp với yêu cầu thị trường hoá, công khai, minh bạch các giao dịch đất đai, loại bỏ cơ chế xin - cho cũng như sự phân biệt đối xử với doanh nghiệp trong tiếp cận đất đai. Kiên quyết thu hồi đất đã giao nhưng không triển khai thực hiện đúng thời gian qui định. Quản lý chặt chẽ việc phê duyệt các dự án, tránh đầu tư tràn lan, không hiệu quả, tránh hiện tượng "quy hoạch treo", "dự án treo" gây lãng phí tài nguyên đất... Tối ưu hóa sử dụng nguồn lực đất đai, thúc đẩy các dự án đầu tư theo hình thức PPP trong các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, giao thông; xem xét đổi mới cơ chế xác định giá thu hồi đất để sát với giá thị trường đối với các dự án giao đất không qua đấu giá.

Nghiên cứu, ban hành thực hiện cơ chế nhằm tích tụ, tập trung ruộng đất, cho thuê đất, tiếp tục dồn điền đổi thửa, tăng quy mô sản xuất nông nghiệp và tạo điều kiện cho doanh nghiệp có đất để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất tập trung quy mô lớn. Khắc phục tình trạng đề hoang hóa đất đai. Có chính sách khuyến khích mạnh hơn nữa để thu hút đầu tư vào nông nghiệp.

Nghiên cứu, ban hành thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, nhất là chính sách về đất đai trong các KCN, CCN.

Tiếp tục bổ sung hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế thị trường lao động, cụ thể hóa và vận dụng vào điều kiện Thủ đô. Tăng cường quản lý, giám sát và xử lý vi phạm hợp đồng lao động. Phát triển và kiện toàn các tổ chức đào tạo hướng nghiệp, môi giới việc làm, các trung tâm giao dịch và hội chợ việc làm đi vào nền nếp. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm phổ thông, việc làm cho khu vực nông thôn, đồng thời chuẩn bị nguồn nhân lực trình độ cao cho CNH. Tổ chức, quản lý chặt chẽ hợp tác quốc tế và xuất khẩu lao động trên địa bàn.

Phát triển nhanh thị trường khoa học công nghệ; hoàn thiện hạ tầng cơ bản như các trung tâm ứng dụng, các phòng thí nghiệm, cơ sở đào tạo đại học và viện nghiên cứu, chợ công nghệ (techmart); tiến hành điều tra và quy hoạch đội ngũ cán bộ

KHCN trên địa bàn; triển khai Quy chế thu hút và sử dụng nhân tài KHCN Thủ đô, Đề án thu hút các nhà khoa học quốc tế về làm việc, hợp tác với Thủ đô; đẩy nhanh việc xây dựng các khu công nghệ cao, hình thành các đại học quốc tế; cải tiến quy chế đấu thầu thực hiện nhiệm vụ KHCN, cơ chế tài chính cho KHCN và thành lập Quỹ KHCN Thủ đô.

2.3. Nâng cao năng lực quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, nông thôn

Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, tăng cường sự tham gia, giám sát của các tổ chức, đoàn thể, cộng đồng và thực hiện các quy hoạch, dự án được duyệt. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan để kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong triển khai các quy hoạch ngành, chuyên ngành.

Công bố công khai, rộng rãi các quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết theo quy định. Thực hiện nghiêm việc quản lý xây dựng, phát triển theo quy hoạch được duyệt. Nâng cao năng lực quản lý đô thị, nông thôn. Tập trung đầu tư xây dựng theo quy hoạch bằng nguồn vốn ngân sách để hình thành hệ thống hạ tầng khung hiện đại về đô thị, văn hóa - xã hội, kinh tế tạo tiền đề cho phát triển. Quan tâm đầu tư cải thiện căn bản hệ thống hạ tầng nông thôn. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương để triển khai đồng bộ các công trình lớn trên địa bàn đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả. Coi trọng việc xã hội hóa đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội có khả năng thu hồi vốn.

Tổ chức thực hiện đồng bộ Luật Thủ đô, Luật Đầu tư công, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở... Rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới các quy định của Thành phố nhằm tăng cường quản lý nhà nước trong các lĩnh vực cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, giao thông, vận tải, quản lý xây dựng, đô thị. Tăng cường phân cấp trách nhiệm và quyền hạn cho chính quyền cơ sở (phường, xã) trong quản lý các tuyến phố văn minh trật tự đô thị, làng văn hóa... đảm bảo giữ vững và nâng cao kỷ cương, văn minh đô thị, trật tự hè, đường phố, ngõ xóm, vệ sinh môi trường và quản lý chất lượng môi trường.

Phối hợp với các tỉnh lân cận triển khai chương trình hành động vì môi trường: xử lý ô nhiễm các sông, quy hoạch hệ thống nghĩa trang và xây dựng các nghĩa trang lớn, xây dựng khu xử lý chất thải rắn và nhà máy đốt rác để sử dụng chung (đặc biệt là chất thải độc hại công nghiệp và y tế).

2.4. Khai thác, phát huy tốt các tiềm năng, nguồn lực, chuyển mạnh sang đầu tư phát triển chiều sâu; đặc biệt chú trọng đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư

Trước hết là phát huy và sử dụng tiềm năng nguồn nhân lực sẵn có của Thủ đô, khai thác và sử dụng hiệu quả quỹ đất, vốn đầu tư và các nguồn lực trong dân cư. Rà soát, đánh giá lại và sửa đổi ngay các cơ chế, quy chế hỗ trợ sản xuất kinh doanh phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo thiết thực và hiệu quả hơn để khuyến khích huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tư nhân và nhà nước, trong nước và quốc tế cho phát triển KT-XH Thủ đô. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp để hỗ trợ, tạo thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư.

Tích cực thực hiện tái cơ cấu đầu tư công; huy động tối đa nguồn vốn ngân sách cho đầu tư phát triển theo luật đầu tư công; sử dụng có hiệu quả các quỹ có nguồn gốc ngân sách phục vụ các dự án trên địa bàn.

Rà soát, thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công; nghiên cứu đấu giá các cơ sở, khu đất công sử dụng không hiệu quả bổ sung nguồn thu ngân sách để đầu tư phát triển.

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, phát triển các lĩnh vực công cộng trên địa bàn Thủ đô. Rà soát quỹ đất, kế hoạch sử dụng đất, xác định địa điểm và lập danh mục dự án kêu gọi đầu tư. Đẩy mạnh áp dụng hình thức đầu tư theo các Hợp đồng đối tác Công - Tư (PPP), tập trung vào các lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, trong đó ưu tiên tăng trưởng xanh, các công viên, khu vui chơi giải trí, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cải tạo nhà ở chung cư cũ, nước sạch nông thôn... Chú trọng đầu tư công nghệ cao cho lĩnh vực y tế, sản xuất công nghiệp phụ trợ, nông nghiệp kỹ thuật cao; công nghệ mới và năng lượng sạch, công nghệ xanh và những công nghệ tiên tiến trong quản lý. Thu hút và đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, FDI. Tập trung kêu gọi các dự án có quy mô lớn, giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Ưu tiên trong các lĩnh vực y tế, công nghệ thông tin, công nghệ cao, công nghệ sinh học; phát triển kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu và phát triển; dịch vụ hiện đại...

Tiếp tục cơ cấu lại nguồn thu ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỉ trọng thu nội địa; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp chống thất thu ngân sách; cơ cấu lại các khoản chi ngân sách nhà nước theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm chi đầu tư tăng nhanh hơn chi thường xuyên; dự kiến chi thường xuyên chiếm khoảng 48%; chi đầu tư phát triển trên 49,6%. Đẩy mạnh việc khai thác các nguồn thu trên địa bàn để tăng khả năng tập trung ngân sách cho đầu tư phát triển, quan tâm các nguồn thu từ bán đấu giá, đấu thầu cho thuê nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước mà Hà Nội hiện đang quản lý; đảm bảo thu đúng, thu đủ các khoản thuế, phí, lệ phí.

Sử dụng hợp lý và hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và có nguồn gốc ngân sách. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng, từng bước giảm dần tỷ trọng cơ cấu đầu tư công trong đầu tư xã hội. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải gắn với tái cơ cấu đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn; chú trọng giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư. Đổi mới cơ chế phân bổ vốn đầu tư; kiểm soát chặt chẽ các dự án, công trình khởi công mới, xác định rõ nguồn vốn, bảo đảm hiệu quả đầu tư. Ưu tiên đầu tư và đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nhất là các dự án, công trình trọng điểm, chương trình mục tiêu của Thành phố. Tập trung đầu tư dứt điểm để hoàn thành những công trình trọng điểm có tác dụng thúc đẩy sự phát triển đột phá của Thủ đô. Phát huy vai trò định hướng của đầu tư ngân sách nhà nước, là vốn môi để thu hút nguồn vốn đầu tư xã hội.

Kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực của các chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách theo yêu cầu nhiệm vụ; kịp thời thay thế các đơn vị tư vấn không đủ năng lực. Các chủ đầu tư phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, triển khai nghiêm túc kế

hoạch tiến độ của dự án được giao quản lý, chú trọng đến chất lượng và hiệu quả; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo giám sát đầu tư theo quy định.

Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc sử dụng vốn đầu tư có nguồn gốc ngân sách. Xây dựng và thực hiện cơ chế để tăng cường giám sát cộng đồng với các hoạt động đầu tư từ ngân sách và có nguồn gốc ngân sách, triển khai ngay công tác giám sát cộng đồng ở tất cả các quận, huyện, xã, phường, định kỳ tổng kết, rút kinh nghiệm.

Xây dựng đồng bộ các cơ chế, chính sách và đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài một cách có chọn lọc, hỗ trợ phát triển chính thức và đầu tư trong nước; ưu tiên hàng đầu là thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và công nghệ của các tập đoàn xuyên quốc gia, thực hiện chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ nguồn, công nghiệp “xanh”, thân thiện với môi trường, điện tử công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ,...

2.5. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội; đảm bảo hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa - xã hội

Quan tâm giải quyết việc làm nhằm ổn định cuộc sống, tạo thu nhập chính đáng, lâu dài cho người dân. Phát triển các kênh tạo việc làm. Khuyến khích các hình thức tạo việc làm tại chỗ thông qua phát triển các loại hình dịch vụ, sản xuất nhỏ tại vùng nông thôn. Xây dựng hệ thống thông tin lao động - việc làm được cập nhật thường xuyên của Thành phố. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, chú trọng đào tạo nghề dài hạn có địa chỉ, đào tạo theo nhu cầu thị trường, đào tạo phục vụ cho xuất khẩu. Đặc biệt chú trọng đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Kêu gọi đầu tư xây dựng một số trường cao đẳng đào tạo nghề có trình độ quốc tế. Chuyển một số trường trung học phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp sang mô hình dịch vụ giáo dục trình độ cao. Triển khai và thực hiện các nội dung phát triển thị trường sức lao động trên cơ sở giữ vững mục tiêu và định hướng XHCN. Phát triển các trung tâm dịch vụ việc làm,.

Đẩy mạnh các biện pháp phát triển kinh tế tại các khu vực khó khăn, các địa bàn còn nhiều hộ nghèo và tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo, hỗ trợ các hộ cận nghèo, xây dựng và mở rộng thực hiện các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, bền vững phù hợp với điều kiện của từng quận, huyện.

Đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm), chú trọng các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn từ xa (kiểm soát, ngăn chặn việc buôn bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy...). Đẩy mạnh việc xã hội hóa công tác phòng chống tệ nạn xã hội, thông tin, tuyên truyền, giáo dục phòng chống ma túy, mại dâm. Xây dựng xã, phường, địa bàn dân cư, cơ quan, trường học không có tệ nạn xã hội.

Xây dựng các thiết chế văn hóa đồng bộ, tạo hành lang pháp lý quản lý phát triển văn hóa. Từng bước hoàn thiện việc xây dựng và thực hiện các quy định, quy ước, quy chế cụ thể về nếp sống văn hóa. Tiếp tục thực hiện phong trào «Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa».

Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển văn hóa xã hội. Tăng cường phân cấp quản lý, đầu tư tôn tạo các di tích, danh thắng. Khuyến khích mọi doanh nghiệp, mọi

tổ chức, cá nhân tham gia phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao... theo qui định của pháp luật.

2.6. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hiệu lực quản lý nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng và chống tham nhũng

Đẩy mạnh và quyết liệt thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là thủ tục hành chính và công tác cán bộ. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các sở, ngành trong việc thực hiện cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính dân chủ, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả và hiệu lực cao. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, quảng bá, cải thiện hình ảnh của Thủ đô; xác lập một môi trường đầu tư thân thiện, bình đẳng và có tính cạnh tranh cao. Phấn đấu đưa vị trí xếp hạng các chỉ số PCI, PAPI trong nhóm 10 địa phương trong cả nước.

Củng cố bộ máy quản lý nhà nước từ Thành phố đến quận, huyện, xã, phường. Rà soát, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn, các sở quản lý nhà nước. Xác định rõ, sắp xếp lại chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn quận, huyện, trọng tâm là các phòng có chức năng giúp UBND quản lý nhà nước về đô thị, tài nguyên - môi trường, y tế, dân số - gia đình và trẻ em. Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy chính quyền quận, huyện, phường, xã, thị trấn phù hợp với đặc thù đô thị, nông thôn.

Nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ máy công quyền, năng lực và phẩm chất đội ngũ cán bộ công chức phù hợp với chức năng và nhiệm vụ. Tạo lập lòng tin và mối quan hệ hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, theo phương châm 5 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ quy trình, rõ trách nhiệm và rõ hiệu quả”; tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân; công tác phối hợp, thanh tra, kiểm tra trong thực hiện thủ tục hành chính và công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các cấp chính quyền. Tiếp tục rà soát, đưa ra khỏi bộ máy hành chính những cán bộ, công chức không đủ trình độ, năng lực, yếu kém về phẩm chất đạo đức. Đồng thời xây dựng cơ chế đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên môn; đãi ngộ, thu hút nhân tài, tài năng trẻ, chuyên gia giỏi bổ sung vào đội ngũ cán bộ công chức, đặc biệt ở cấp chính quyền cơ sở (phường, xã, thị trấn).

Nâng cao hiệu quả việc phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình xây dựng, ban hành, thực hiện các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Nâng cao tính công khai, minh bạch trong thực hiện các thủ tục hành chính, quy hoạch, kế hoạch. Thực hiện triệt để việc giải quyết thủ tục hành chính theo nguyên tắc “một cửa”, “một cửa liên thông”; bảo đảm công khai, đúng luật, dễ hiểu, dễ thực hiện, tiết kiệm thời gian. Đổi mới lề lối, tác phong làm việc trong cơ quan nhà nước, hiện đại hóa các cơ quan hành chính nhà nước. Xây dựng hạ tầng CNTT hiện đại, an toàn, đảm bảo tính liên tục của các hệ thống CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước và cung cấp dịch vụ công cho người dân. Xây dựng Chính quyền điện tử, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo trên 80% dịch vụ công trực tuyến ở mức 3 và mức 4; 100% văn bản giao dịch giữa các cơ quan nhà nước thực hiện trên môi trường mạng (trừ các văn bản không chuyển qua mạng theo qui định), ứng dụng chữ ký số chuyên dùng.

Rút ngắn quy trình, giảm số lượng và đơn giản hóa nội dung hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính liên quan trực tiếp doanh nghiệp, tập trung vào lĩnh vực: quy hoạch, thành lập doanh nghiệp, thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, đất đai, xây dựng, điện, tín dụng,... Hoàn thiện quy trình liên thông về đầu tư theo các luật mới ban hành; cắt giảm đến 40% thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư; thực hiện cơ chế “liên thông tại một địa điểm,.. Rút ngắn thời gian khởi sự kinh doanh, nâng tỷ lệ hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng lên trên 50%; thời gian đăng ký kinh doanh tối đa là 2 ngày; thời gian tiếp cận điện năng còn dưới 26 ngày; đến năm 2020: bỏ hình thức thu tiền điện trực tiếp tại nhà hoặc trụ sở; thời gian nộp thuế và bảo hiểm xã hội còn dưới 155 giờ/năm; tỷ lệ kê khai thuế quan mạng và nộp thuế điện tử đạt tối thiểu 95%; tỷ lệ người hài lòng với các dịch vụ mà cơ quan thuế cung cấp 80%. Rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng, đăng ký quyền sở hữu và sử dụng tài sản. Phát triển mạnh đại lý thuế và dịch vụ kế toán.

Nâng cao chất lượng dự báo phát triển KT-XH, có cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu định kỳ, thường xuyên giữa các ngành với cơ quan nghiên cứu để phục vụ phân tích và dự báo; cập nhật và bám sát tình hình thị trường trong nước, khu vực và thế giới; chú trọng nâng cao năng lực nghiên cứu, đánh giá và dự báo các vấn đề mới, xu thế vận động của hội nhập, chính sách thương mại của các quốc gia để đề xuất điều chỉnh chính sách và giải pháp phù hợp.

Đẩy mạnh phân cấp quản lý theo hướng tạo chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương; đồng thời đảm bảo tính ổn định phân cấp quản lý KT-XH cùng với việc hoàn thiện hệ thống chính quyền các cấp và tăng cường kiểm tra, giám sát, đảm bảo công việc được tổ chức thực sự khoa học và hợp lý.

Hoàn thành tiến trình sắp xếp, cổ phần hóa, tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả các DNNN. Khuyến khích các doanh nghiệp tích tụ vốn, xây dựng các doanh nghiệp mạnh, các tập đoàn kinh tế đa hình thức sở hữu; hỗ trợ phát triển mạnh mẽ các doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng nguồn vốn tư nhân, tạo ra một mạng lưới các vệ tinh sản xuất và xuất khẩu cho các công ty lớn.

Tăng cường hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước về thị trường, về an toàn vệ sinh thực phẩm, về bảo vệ môi trường, môi sinh. Đẩy mạnh các hoạt động chống buôn bán hàng lậu, hàng giả, lừa đảo trong kinh doanh, vi phạm chế độ bản quyền, vi phạm thương hiệu hàng hoá,... lập lại kỷ cương thị trường, đảm bảo kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh. Thanh tra, kiểm tra nghiêm ngặt điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; xử lý nghiêm các đơn vị kinh doanh, hộ gia đình vi phạm, nhất là sử dụng chất bảo quản, chất kích thích tăng trưởng, tạo nạc trong trồng trọt và chăn nuôi. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường; tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp và người dân.

Triển khai có hiệu quả các chương trình hành động của Thành phố về thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật Phòng, chống tham nhũng; đặc biệt quan tâm thực hiện mạnh ở các lĩnh vực: quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, quản lý khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, sử dụng lao động và thời gian lao động....

2.7. Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và hợp tác, liên kết cùng phát triển với các tỉnh, thành phố trong nước, với các quốc gia, các thành phố lớn trong khu vực và quốc tế

Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, tăng cường sự tham gia, giám sát của các tổ chức, đoàn thể, cộng đồng và thực hiện các quy hoạch, dự án được duyệt. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan để kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong triển khai các quy hoạch ngành, chuyên ngành.

Nội dung hợp tác vừa toàn diện, vừa cụ thể, phù hợp với luật pháp và khả năng của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị; vừa bảo đảm hiệu quả kinh tế, vừa mang tính hỗ trợ hợp tác lẫn nhau để cùng phát triển bền vững, cạnh tranh lành mạnh. Chú trọng việc liên kết, phối hợp với các Bộ, Ngành Trung ương và các địa phương khác trong xây dựng và thực hiện quy hoạch vùng, trong một số lĩnh vực cụ thể: đầu tư, quản lý doanh nghiệp, phát triển sản xuất - kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu,.... Xây dựng các cơ chế phối hợp, hợp tác, liên kết giữa Thành phố Hà Nội với các bộ, ngành và các địa phương nhằm đẩy mạnh các hoạt động liên doanh, hợp tác giữa các doanh nghiệp trung ương, doanh nghiệp địa phương và doanh nghiệp các địa phương khác. Tiếp tục đa dạng hoá, đa phương hóa, phối kết hợp linh hoạt các loại hình đối ngoại; thực hiện phương châm: “đối ngoại kinh tế là trọng tâm, đối ngoại Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, tăng cường, mở rộng đối ngoại nhân dân”.

Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thực thi có hiệu quả các cam kết hội nhập; chủ động, tích cực nắm bắt các cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế đem lại, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực. Hỗ trợ doanh nghiệp của Thành phố thâm nhập thị trường quốc tế, tích cực tham gia sâu, rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu, thực hiện có hiệu quả cơ chế hợp tác giữa Hà Nội và các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại các nước nhằm khai thác và đẩy mạnh cung cấp thông tin thị trường, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch. Kết hợp công tác xúc tiến quảng bá điểm đến của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và xúc tiến quảng bá sản phẩm du lịch của các doanh nghiệp trên thị trường du lịch thế giới./.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phụ lục 1: Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu KT-XH 5 năm 2011-2015

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2006-2010	Nghị quyết ĐH XV Đảng bộ TP	KH 2011-2015	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	TH 2015	TB 2011-2015	Ghi chú
I. Chỉ tiêu về kinh tế												
1	Tăng trưởng GRDP	%	10,86	12-13	12-13	10,7	9,0	8,5	8,8	9,24	9,23	Không đạt KH
	- Dịch vụ	%	10,92	12,2-13,5	12,2-13,5	11,8	9,6	9,1	9,6	9,91	10,00	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	12,32	13,0-13,7	13,0-13,7	10,2	9,4	8,3	8,5	9,11	9,11	
	- Nông nghiệp	%	2,53	1,5-2,0	1,5-2,0	3,7	0,8	3,4	2,0	2,47	2,46	
2	Cơ cấu ngành kinh tế	%		100	100	100	100	100	100	100	100	
	- Dịch vụ	%	52,4	54-55	54-55	52,4	53,0	53,4	53,7	53,9	53,9	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	41,8	41-42	41-42	41,7	41,5	41,7	41,6	41,7	41,7	
	- Nông nghiệp	%	5,8	3-4	3-4	5,9	5,5	4,9	4,5	4,4	4,4	
3	GRDP bình quân/đầu người	USD (tr.đồng)	2.000	4.100-4.300 USD	(82-86)	2.370	2.730	3.030	3.340	3.660 (77,6)	3.660 (77,6)	Không đạt KH
4	Huy động (mức tăng) vốn đầu tư xã hội	1.000 tỷ đ. (%)	596,0 (32,1)	1.400-1.500	(17,5-18,5)	205,51	249,29	279,35	323,33	364,17	1.421,66	
5	Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân năm	%	21,98	14-15	14-15	20,6	0,3	1,0	11,7	2,50	6,95	Không đạt KH
II. Chỉ tiêu văn hóa - xã hội												
6	Giảm tỷ lệ sinh bình quân	%/năm		0,2	0,2	tăng 0,34	tăng 2,22	1,65	1,22	0,7	0,2	
	Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên	%		< 5	< 5	8,7	10,9	9,25	8,03	7,33	7,13	
7	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%		100	100	97,6	98,4	98,9	98,3	100	100	
8	Số giường bệnh/vạn dân	gi./v.dân		20	20	17,6	18,8	19,3	19,4	21,1	21,1	
9	Số bác sỹ/vạn dân	bác sỹ/v.dân		12,5	12,5	8,70	8,80	9,17	10,19	12,70	12,70	
10	Chỉ tiêu đạt chuẩn về văn hóa											
	- Tỷ lệ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu là Gia đình văn hoá	%			85	83,1	83,5	84,0	84,5	85,0	85,0	
	- Tỷ lệ làng, thôn, bản được công nhận và giữ vững danh hiệu là Làng, thôn, bản văn hóa	%			55	53,1	53,5	54,0	54,5	55,0	55,0	
	- Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu là Tổ dân phố văn hóa	%			65	68,6	64,0	64,0	69,9	70,0	70,0	
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn và giữ vững danh hiệu là Cơ quan, Đơn vị văn hoá	%			60	54	55,0			60,0	60,0	
11	Tỷ lệ trường công lập (MN, TH, THCS, THPT) đạt chuẩn quốc gia	%		50-55	50-55	26,4	30,7	42,6	48,7	52,7	52,7	
12	Số lao động được giải quyết việc làm mới hàng năm	1.000 l.động		140-145	140-145	138,8	137,0	136,5	140,0	147,0	140	
13	Tỷ lệ lao động (đang làm việc) qua đào tạo	%		55	55	38,7	42,1	46,17	49,72	53,14	53,14	Không đạt KH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2006-2010	Nghị quyết ĐH XV Đảng bộ TP	KH 2011-2015	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	TH 2015	TB 2011-2015	Ghi chú
14	- Giảm hộ nghèo bình quân: - Tỷ lệ hộ nghèo cuối kỳ (theo Chương trình mục tiêu giảm nghèo của Thành phố):	%		1,5-1,8 < 2	1,5-1,8 < 2	1,8 5,31	1,5 3,81	1,0 2,81	0,9 1,91	0,41 0,96	1,42 0,96	chuẩn nghèo của Hà Nội
15	Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ THPT và tương đương	%		90	90	82	84	86	88	90	90	
III. Chỉ tiêu đô thị, nông thôn, môi trường												
16	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%		≥ 40	≥ 40					201 xã 52,1	201 xã 52,1	
17	Nhà ở đô thị/đầu người	m2/người			28					26,6	26,6	Không đạt KH
18	Diện tích đất xanh đô thị đạt	m2/người		7	7					7,0	7,0	
19	Chỉ tiêu về sử dụng nước											
	-Tỷ lệ hộ dân số nông thôn dùng nước hợp vệ sinh	%		100	100	84	86,7	91,6	93,5	99	99	
	-Tỷ lệ hộ dân số thành thị dùng nước sạch	%		100	100	97	99,5	100	100	99	99	100% với các quận cũ; 95% đối với 02 quận mới
	-Lượng nước sạch đô thị	lít/ng/ngàyđ		150	150	130				150	150	
20	Chỉ tiêu về môi trường											
	-Tỷ lệ thu gom và xử lý trong ngày rác thải sinh hoạt khu vực nội thành	%		100	100	98	98	98	98	98	98	
	-Tỷ lệ thu gom và xử lý trong ngày rác thải sinh hoạt khu vực ngoại thành	%		80	80	70	82	85	87	87	87	
	-Cơ sở sản xuất, kinh doanh mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị xử lý chất thải	%		100	100					100	100	
	-Cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn môi trường	%		≥ 80	≥ 80					80	80	
	-Khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung	%		100	100		88	100	100	100	100	
	-Chất thải rắn thông thường được xử lý đạt tiêu chuẩn	%		95	95					95	95	
	-Chất thải rắn nguy hại được xử lý đạt tiêu chuẩn	%		85	85					85	85	
	-Chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn	%		100	100					100	100	

Phụ lục 2: Chỉ tiêu KT-XH 5 năm 2016-2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011-2015		KH 2016-2020
			Cách tính cũ	Cách tính mới	
1	Tăng trưởng GRDP (cách tính mới)	%	9,23	7,3	8,5-9,0
	- Dịch vụ	%	9,97	7,0	7,8-8,3
	+ Hoạt động ngành dịch vụ	%		7,2	8,8-9,4
	+ Thuế NK và thuế SP trừ trợ cấp SP	%		6,4	6,0-6,5
	- Công nghiệp - xây dựng	%	9,11	8,5	10,0-10,5
	- Công nghiệp	%	9,13	10,0	11,4-11,7
	- Xây dựng	%	9,05	4,9	6,4-7,4
	- Nông nghiệp	%	2,46	3,7	3,5-4,0
2	Cơ cấu ngành kinh tế (cách tính mới) *	%	100,0	100	100
	- Dịch vụ	%	53,9	66,87	67-67,5
	+ Hoạt động ngành dịch vụ			57,04	57,5-58,5
	+ Thuế NK và thuế SP trừ trợ cấp SP			9,83	8,5-9,5
	- Công nghiệp - xây dựng	%	41,7	29,68	30-30,5
	- Nông nghiệp	%	4,4	3,44	2,5-3,0
3	GRDP bình quân/đầu người	USD	3.660		6.700-6.800
4	Huy động vốn đầu tư xã hội	1.000 tỷ đ.	1.421,66		2.500-2.600
5	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	52,1		80,0
6	Chỉ tiêu về văn hóa				
	-Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hoá	%	70,0		72,0
	-Tỷ lệ làng, thôn, bản được công nhận và giữ vững danh hiệu Làng, thôn, bản văn hoá	%	55,0		62,0
	-Tỷ lệ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa	%	85,0		88,0
7	Tỷ lệ trường công lập (MN, TH, THCS, THPT) đạt chuẩn quốc gia	%	52,4		65-70

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	THI 2011-2015		KII 2016-2020
			Cách tính cũ	Cách tính mới	
8	Chỉ tiêu về y tế				
	-Số giường bệnh/vạn dân	gi./v.dân		21,1	26,5
	-Số bác sỹ/vạn dân	bác sỹ/v.dân		12,7	13,5
	-Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (chuẩn mới)	%		100	100
9	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%			85,0
10	Năng suất lao động xã hội tăng bình quân	%	8,06	6,05	6,5
11	Tỷ lệ lao động (đang làm việc) qua đào tạo	%		53,14	70-75
12	Tỷ lệ thất nghiệp thành thị	%		4,85	< 4,0
13	Tỷ lệ hộ nghèo cuối kỳ (theo chuẩn nghèo đa chiều mới)	%	0,96	6,34	< 1,2
14	Chỉ tiêu về nước sạch đô thị, nông thôn				
	-Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	%		100	100
	-Tỷ lệ hộ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	%		100	95-100
15	Tỷ lệ đô thị hóa năm 2020	%			58-60
16	Chỉ tiêu về môi trường				
	-Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam				
	+ Khu vực đô thị	%		98,0	95-100
	+ Khu vực nông thôn	%		87,0	90-95
	-Tỷ lệ Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc quy chuẩn quốc gia tương ứng	%			100
	-Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%		85	95-100
	-Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%		100	95-100

Phụ lục 3: Cân đối Thu - Chi ngân sách

TT	Thu - chi ngân sách	TH 2011-2015	KH 2016	Dự kiến 2016-2020	Ghi chú
I	Thu ngân sách trên địa bàn	755.171	169.420	937.115	2016-2020 tăng 5%/năm
	- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	59.319	14.990	84.919	
	- Thu từ dầu thô	44.347	2.300	14.200	
	- Thu nội địa (kể cả thu từ cổ tức, lợi nhuận còn lại của doanh nghiệp nhà nước)	651.505	152.130	837.996	2016-2020 tăng 4,8%/năm
II	Chi ngân sách địa phương	285.593	73.773	412.133	
	- Chi đầu tư phát triển	133.044	31.113	204.400	
	- Chi thường xuyên	152.281	40.976	197.833	
	- Chi khác	268	1.684	9.900	
Cơ cấu thu - chi ngân sách, %					
I	Thu ngân sách trên địa bàn	100	100	100	
	- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	7,86	8,85	9,06	
	- Thu từ dầu thô	5,87	1,36	1,52	
	- Thu nội địa	86,27	89,79	89,42	
II	Chi ngân sách địa phương	100	100	100	
	- Chi đầu tư phát triển	46,59	42,17	49,60	
	- Chi thường xuyên	53,32	55,54	48,00	
	- Chi khác	0,09	2,28	2,40	

Phụ lục 4: Cơ cấu vốn đầu tư xã hội

TT	Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	2011-2015	KH 2016-2020
	Tổng vốn đầu tư xã hội	205.512	249.287	279.352	323.334	364.171	1.421.656	2.550.000
I	Vốn khu vực Nhà nước	58.186	71.390	77.384	96.691	91.772	395.423	522.750
	- Vốn ngân sách Nhà nước	23.765	35.689	38.641	47.274	42.063	187.432	220.000
	- Vốn vay	21.346	20.581	22.162	25.486	23.715	113.290	150.000
	- Vốn tự có của các doanh nghiệp Nhà nước	10.956	13.929	15.384	22.287	23.921	86.477	140.750
	- Vốn huy động khác	2.119	1.191	1.197	1.644	2.073	8.224	12.000
II	Vốn khu vực ngoài Nhà nước	110.036	150.842	181.606	201.844	246.145	890.473	1.861.500
	- Vốn của tổ chức doanh nghiệp	88.279	119.622	157.078	166.602	204.653	736.234	1.531.500
	- Vốn của dân cư	21.757	31.220	24.528	35.242	41.492	154.239	330.000
III	Vốn khu vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài	37.290	27.055	20.362	24.799	26.254	135.760	165.750
	Cơ cấu vốn đầu tư xã hội	100	100	100	100	100	100	100
I	Vốn khu vực Nhà nước	28,31	28,64	27,70	29,90	25,20	27,81	20,50
	- Vốn ngân sách Nhà nước	11,56	14,32	13,83	14,62	11,55	13,18	8,63
	- Vốn vay	10,39	8,26	7,93	7,88	6,51	7,97	5,88
	- Vốn tự có của các doanh nghiệp Nhà nước	5,33	5,59	5,51	6,89	6,57	6,08	5,52
	- Vốn huy động khác	1,03	0,48	0,43	0,51	0,57	0,58	0,47
II	Vốn khu vực ngoài Nhà nước	53,54	60,51	65,01	62,43	67,59	62,64	73,00
	- Vốn của tổ chức doanh nghiệp	42,96	47,99	56,23	51,53	56,20	51,79	60,06
	- Vốn của dân cư	10,59	12,52	8,78	10,90	11,39	10,85	12,94
III	Vốn khu vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài	18,14	10,85	7,29	7,67	7,21	9,55	6,50

**Phụ lục 5: DANH MỤC GIỚI THIỆU CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2016 (ĐỢT 1)**

TT	Dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)
	Tổng số: 43 dự án			372.250
I	Danh mục các dự án lĩnh vực công nghiệp thương mại (15 dự án)			15.150
I.1	Danh mục các dự án khu, cụm công nghiệp (03 dự án)			4.601
1	Khu công nghiệp công nghệ cao tại Đông Anh	Huyện Đông Anh	300	4.400
2	Cụm công nghiệp Phú Túc	Xã Phú Túc, huyện Phú Xuyên	6,1	111
3	Cụm công nghiệp Đại Thắng	Xã Đại Thắng, huyện Phú Xuyên	5	91
I.2	Danh mục các dự án dịch vụ, thương mại (05 dự án)			1.099
4	Xây dựng chợ đầu mối Phù Đổng	Xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm	42	499
5	Xây dựng chợ Đồng Quan	Thôn Đồng Tiến, xã Phương Dục, huyện Phú Xuyên	1,3	150
6	Khu dịch vụ giặt là tập trung	Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ tại xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	3	300
7	Đầu tư xây dựng hệ thống kho lạnh xã Bắc Hồng	Ga Bắc Hồng, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	3	90
8	Đầu tư xây dựng hệ thống kho lạnh xã Cổ Bi	Điểm thông quan nội địa của thành phố Hà Nội, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	2	60
I.3	Danh mục dự án kêu gọi nhà đầu tư xây dựng hệ thống Trung tâm thương mại (07 dự án)			9450
9	Trung tâm thương mại tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	Khu đất tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	3	750
10	Trung tâm thương mại tại xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	Khu đất tại xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	3	750
11	Trung tâm thương mại tại phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm	Khu đất tại phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm	5	1.200
12	Trung tâm thương mại tại xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì	Khu đất tại xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì	9	2.200
13	Trung tâm thương mại tại xã Kim Chung, huyện Hoài Đức	Khu đất tại xã Kim Chung, huyện Hoài Đức	8	2.000
14	Trung tâm thương mại tại phường Kiến Hưng và phường Phú Lương, quận Hà Đông:	Khu đất tại phường Kiến Hưng và phường Phú Lương, quận Hà Đông:	8	2.000
15	Trung tâm thương mại tại phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông	Khu đất tại phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông	2,6	550

TT	Dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)
II	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật			3.000
	<i>Danh mục các dự án bãi đỗ xe (05 dự án)</i>			3.000
16.	Bãi đỗ xe ở phần không gian ngầm tại số 295 Lê Duẩn, quận Đống Đa	Đống Đa	1,03	600
17	Bãi đỗ xe trước cổng và trong Công viên Thống Nhất, giáp phố Trần Nhân Tông	Hai Bà Trưng	0,3	450
18	Bãi đỗ xe Công viên tuổi trẻ (Thanh Nhân)	Hai Bà Trưng	1,12	800
19	Bãi đỗ xe Quảng trường 19/8 (cả phạm vi dưới vườn hoa)	Hoàn Kiếm	0,32	350
20	Bãi đỗ xe ngầm sân vận động Quận Ngựa	Ba Đình	1,12	800
III	Lĩnh vực hạ tầng xã hội (11 dự án)			36.800
	<i>Các dự án công viên (11 dự án)</i>			36.800
21	Dự án Công viên giải trí đạt tiêu chuẩn quốc tế	Phường Hà Cầu, quận Hà Đông	96	4.800
22	Công viên Thị Cẩm tại các phường Xuân Phương, Xuân Canh, quận Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	25,5	500
23	Công viên Đống Đa	Ba Đình	28,67 (Mặt nước 12,97)	400
24	Công viên chuyên đề theo trục đường Hà Nội - Hải Phòng	Gia Lâm, Long Biên	200 (Mặt nước 50)	4.000
25	Công viên Đầm Hồng	Thanh Xuân	40 (Mặt nước 9,96)	800
26	Công viên vườn hoa giải trí, nghỉ ngơi kết hợp bảo tồn vườn quả Từ Liêm và du lịch sinh thái nông nghiệp	Bắc Từ Liêm	178 (Mặt nước 33)	3.600
27	Công viên bách thảo Bắc Từ Liêm	Bắc Từ Liêm	48 (Mặt nước 13)	1.000
28	Công viên đa chức năng	Đan Phượng, Bắc Từ Liêm	104 (Mặt nước 32)	1.100
29	Công viên thể thao giải trí, du lịch sinh thái	Thanh Trì	707 (Mặt nước 226)	12.000
30	Công viên Tây Nam Cổ Loa	Đông Anh	158 (Mặt nước 42)	3.600
31	Khu công viên dịch vụ du lịch giải trí Đông Mô	Sơn Tây	264	5.000

TT	Dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)
IV	Lĩnh vực nhà ở: Các dự án kêu gọi NĐT lập quy hoạch, đầu tư xây dựng, cải tạo đồng bộ các khu chung cư cũ (10 dự án)			316.800
32	Đầu tư xây dựng đồng bộ khu tập thể Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	17,4	29.000
33	Đầu tư xây dựng đồng bộ khu tập thể Tân Mai	Hoàng Mai	18,7	32.000
34	Đầu tư xây dựng đồng bộ khu tập thể Ngọc Khánh	Ba Đình	24	47.000
35	Đầu tư xây dựng đồng bộ khu tập thể Giảng Võ	Ba Đình	28,47	30.000
36	Đầu tư xây dựng đồng bộ khu tập thể Thành Công	Ba Đình	23,0	44.000
37	Đầu tư xây dựng đồng bộ khu tập thể Khuong Thượng	Đống Đa	3,2	6.000
38	Đầu tư xây dựng đồng bộ khu tập thể Vĩnh Hồ	Đống Đa	5,3	11.000
39	Đầu tư xây dựng đồng bộ khu tập thể Kim Liên	Đống Đa	41,43	42.600
40	Đầu tư xây dựng đồng bộ khu tập thể Trung Tự và Khu vực lân cận	Đống Đa	19,9	32.400
41	Đầu tư xây dựng đồng bộ khu tập thể Nghĩa Tân	Cầu Giấy	31,66	42.800
V	Danh mục dự án kêu gọi đầu tư lĩnh vực nông nghiệp (02 dự án)			500
42	Khu ương trồng hoa Lan công nghệ cao kết hợp du lịch	Xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn	120	350
43	Khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao	Xã Thanh Xuân và xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	70	150

**Phụ lục 6: DANH MỤC DỰ KIẾN KÊU GỌI ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC PPP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020 (ĐỢT 1)**

Số TT	Tên công trình / dự án	Số DA	Mục tiêu đầu tư	Hình thức hợp đồng dự kiến	Quy mô đầu tư (dự kiến)	TMDT (dự kiến) tỷ đồng	Địa điểm quỹ đất thanh toán (dự kiến)
	TỔNG SỐ	52				338.725	
A	LĨNH VỰC HẠ TÀNG KỸ THUẬT	35				331.955	
I	Danh mục trọng điểm Giai đoạn 2016-2020	20				305.013	
1	Đường vành đai 3,5: Đoạn từ cầu Thượng Cát đến Quốc lộ 32	1	Hoàn thiện tuyến đường vành đai 3,5 phục vụ nhu cầu phát triển đô thị và kinh tế - xã hội	BT	3,8km B=60m	1.594	Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng và phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm
2	Xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long	1	Kết nối các đoạn tuyến đường vành đai 3,5 phục vụ nhu cầu đi lại và phát triển kinh tế - xã hội	BT	Cầu vượt và đảo xoay (03 tầng)	2.555	Khu đô thị La Phù, huyện Hoài Đức
3	Cầu Tứ Liên và đường từ cầu Tứ Liên đến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên	1	Kết nối khu vực hồ Tây và khu vực Cổ Loa, thúc đẩy du lịch và phát triển đô thị khu vực	BT	Cầu 3,0km B=29,5m Đường 9kmx60m	17.000	Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm
4	Cầu (hầm chui) Trần Hưng Đạo qua Sông Hồng	1	Tăng năng lực thông hành giữa khu nội đô lịch sử và khu vực phát triển đô thị quận Long Biên	BT	3km B=20m	7.000	Xã Quỳnh Đô, huyện Thanh Trì
5	Cầu Vĩnh Tuy - Giai đoạn 2	1	Hoàn thiện tuyến đường vành đai 2 theo quy hoạch; Tăng năng lực thông hành qua sông Hồng	BT	3,5km B=19,25m	2.500	Xã Tiên Dương, huyện Đông Anh
6	Cầu Giang Biên và đường nối hai đầu cầu (Nối cầu Vĩnh Tuy, Vành đai 2 đến tiếp giáp Ninh Hiệp, Bắc Ninh)	1	Kết nối tuyến vành đai 2 với tuyến cao tốc hướng tâm phía Bắc; Kết nối các khu vực nội đô với khu vực phát triển đô thị quận Long Biên và Gia Lâm	BT	8,0km B=40m	8.000	Xã Đình Xuyên, Phù Đổng, huyện Gia Lâm

Số TT	Tên công trình / dự án	Số DA	Mục tiêu đầu tư	Hình thức hợp đồng dự kiến	Quy mô đầu tư (dự kiến)	TMDT (dự kiến) tỷ đồng	Địa điểm quỹ đất thanh toán (dự kiến)
7	Trục dọc sông Hồng đoạn từ cầu Thượng Cát đến cầu Thanh Trì (bờ phải)	1	Thúc đẩy phát triển du lịch, kinh tế - xã hội khu vực hai bên sông Hồng; Kết nối các tuyến đường vành đai, đường trục hướng tâm, các cầu qua sông Hồng	BT	29,08km B=60m	29.000	Các ô đất ở quy hoạch A-6, A-7 phân khu đô thị S1 huyện Đan Phượng Quỹ đất khai thác sau khi lập quy hoạch hai bên sông Hồng
8	Trục dọc sông Hồng đoạn từ cầu Thượng Cát đến cầu Thanh Trì (bờ trái)	1	Thúc đẩy phát triển du lịch, kinh tế - xã hội khu vực hai bên sông Hồng; Kết nối các tuyến đường vành đai, đường trục hướng tâm, các cầu qua sông Hồng	BT	23,6km B=60m	22.619	Xã Kim Chung, Đại Mạch, huyện Đông Anh. và xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức
9	Trục Hồ Tây - Ba Vì: Đoạn từ Vành đai 3 (Hoàng Quốc Việt) đến Quốc lộ 32	1	Từng bước xây dựng tuyến trục hướng tâm; Góp phần phát triển đô thị và phục vụ nhu cầu giao thông khu vực	BT	3,26km B=50m	3.600	Xã An Khánh, La Phù, huyện Hoài Đức
10	Cầu Thượng Cát (bao gồm đường hai đầu cầu)	1	Hoàn thiện tuyến vành đai 3,5 kết nối các khu vực phát triển đô thị, công nghiệp hai bên sông Hồng	BOT	4,5km B=60m	16.000	
11	Cầu Đuống 2 và đường nối đến địa phận tỉnh Bắc Ninh	1	Hoàn thiện tuyến trục hướng tâm phía Bắc; nâng cao năng lực thông hành qua sông Đuống; Kết nối khu vực phát triển đô thị Long Biên và thị trấn Yên Viên	BOT	Cầu 0,5kmx33 m Đường Bắc: 4,2kmx48 m	6.000	
12	Vành đai 4: Từ cao tốc Hà Nội - Lào Cai (Km3+650) đến QL32 (Km19+500)	1	Xây dựng tuyến vành đai liên vùng; Kết nối các tuyến đường quốc lộ và cao tốc hướng tâm; Góp phần phân bố và giảm lưu lượng giao thông liên tỉnh qua khu vực nội đô	BOT	GĐI: 20kmx17m Cầu Hồng Hà B=18m	9.981	

Số TT	Tên công trình / dự án	Số DA	Mục tiêu đầu tư	Hình thức hợp đồng dự kiến	Quy mô đầu tư (dự kiến)	TMĐT (dự kiến) tỷ đồng	Địa điểm quỹ đất thanh toán (dự kiến)
13	Vành đai 4: Từ Quốc lộ 32 đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	1	Xây dựng tuyến vành đai liên vùng; Kết nối các tuyến đường quốc lộ và cao tốc hướng tâm; Góp phần phân bổ và giảm lưu lượng giao thông liên tỉnh qua khu vực nội đô	BOT	GĐI: 34kmx17m 04 nút giao khác mức liên thông	9.709	
14	Nâng cấp, mở rộng QL21 đoạn từ Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai	1	Kết nối các đô thị vệ tinh phía Tây và các tuyến quốc lộ, cao tốc hướng tâm phía Tây; tăng năng lực thông hành, đáp ứng nhu cầu vận tải; Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội	BOT	29,3km B=44m	7.570	
15	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 (đoạn Chúc Sơn - Xuân Mai)	1	Hoàn thiện trục đường hướng tâm theo quy hoạch; Kết nối tuyến quốc lộ nối với các tỉnh phía Tây Bắc	BOT	16km B=50-60m	5.000	
16	Đường vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục	1	Hoàn thiện trục đường chính đô thị hướng Đông Tây qua khu vực nội đô lịch sử; Góp phần giảm ùn tắc giao thông trong khu vực nội đô	BT	2,3km B=50m	7.971	Quỹ đất khai thác hai bên đường sau quy hoạch và một phần tại xã Tân Lập, huyện Đan Phượng và phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm
17	Tuyến đường sắt đô thị Hà Nội số 3 (Đoạn từ Ga Hà Nội - Hoàng Mai)	1	Phát triển mạng lưới đường sắt đô thị; Phục vụ nhu cầu vận tải hành khách khu vực nội đô; giảm ùn tắc giao thông	PPP	8 km (3km ngầm), 07 ga	28.175	
18	Tuyến đường sắt đô thị Hà Nội số 5	1	Nâng cao năng lực vận tải khu vực đô thị trung tâm và đô thị vệ tinh Hòa Lạc; Thúc đẩy phát triển đô thị vệ tinh và các khu vực hai bên Đại lộ Thăng Long	PPP	38,4km	65.572	

Số TT	Tên công trình / dự án	Số DA	Mục tiêu đầu tư	Hình thức hợp đồng dự kiến	Quy mô đầu tư (dự kiến)	TMDT (dự kiến) tỷ đồng	Địa điểm quỹ đất thanh toán (dự kiến)
19	Đường sắt đô thị tuyến số 6 (từ Trung tâm Hà Nội đến sân bay Nội Bài)	1	Phục vụ và nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu đi lại giữa Trung tâm Hà Nội và Cảng hàng không quốc tế Nội Bài; Thúc đẩy phát triển đô thị khu vực Bắc sông Hồng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội	PPP	47km, đường đôi 1435mm	14.282	Đề xuất bố trí vào các ô đất còn lại (do chưa xác định được quy mô):- Một phần ô quy hoạch I thuộc QHPK N7 xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh (27,70ha)- Các ô quy hoạch G-1, G-2, F-2, F-3, F-4 thuộc QHPK S2 các xã huyện Hoài Đức (141ha) - Một phần ô quy hoạch C3 thuộc QHPK S5 xã Khánh Vân, huyện Thanh Trì (326ha)
20	Tuyến đường sắt đô thị số 4 giai đoạn I (từ Liên Hà - Vĩnh Tuy)	1	Phục vụ nhu cầu đi lại giữa các khu vực phát triển đô thị trong đô thị trung tâm	PPP	18km (6km ngầm)	40.885	
II	Dự án ngoài danh mục công trình trọng điểm	15				26.942	
21	Nhà máy xử lý rác thải công nghệ cao tại Sóc Sơn	1	Xử lý chất thải rắn theo công nghệ cao, hiện đại; giảm ô nhiễm môi trường, giảm chôn lấp rác theo công nghệ truyền thống; tái tạo năng lượng	BLT/ BOT	4.000 tấn/ngđ	9.000	
22	Khu xử lý Đồng Ké, huyện Chương Mỹ (CTR sinh hoạt, phân bùn bở phốt, rác y tế thông thường)	1	Xử lý chất thải rắn theo công nghệ cao, hiện đại; giảm ô nhiễm môi trường, giảm chôn lấp rác theo công nghệ truyền thống; tái tạo năng lượng	BOO/ BOT	1.500 tấn/ngày; 19ha	1.800	
23	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị khu vực quận Hà Đông và thị xã Sơn Tây	1	Cải thiện môi trường đô thị; Hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy hoạch	BLT/ BOT	20.000 m3/ngđ 9.000 m3/ngđ	3.800	
24	Hệ thống thu gom nước thải về Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở	1	Cải thiện môi trường đô thị; Hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy hoạch	BLT/ BOT		3.000	

Số TT	Tên công trình / dự án	Số DA	Mục tiêu đầu tư	Hình thức hợp đồng dự kiến	Quy mô đầu tư (dự kiến)	TMDT (dự kiến) tỷ đồng	Địa điểm quỹ đất thanh toán (dự kiến)
25	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải lưu vực sông Cầu Báy và Nhà máy XLNT Phúc Đồng, quận Long Biên	1	Cải thiện môi trường đô thị; Hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy hoạch	BOT	40.000-55.000 m ³ /ng.đêm	3.500	
26	Khu xử lý chất thải Phù Đổng, Gia Lâm (xử lý phân bùn bể phốt và xử lý rác sinh hoạt)	1	Xử lý chất thải rắn theo công nghệ cao, hiện đại; giảm ô nhiễm môi trường, giảm chôn lấp rác theo công nghệ truyền thống; tái tạo năng lượng	BLT/ BOT	800-1200 tấn/ngày	1.200	
27	Trạm trung chuyển Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì	1	Góp phần hoàn thiện quy trình thu gom, phân loại và vận chuyển rác thải đến nhà máy xử lý	BOO/ BOT	800-1.000 tấn/ngày; 1,5ha	150	
28	Trạm trung chuyển rác thải Thanh Lâm, huyện Mê Linh	1	Góp phần hoàn thiện quy trình thu gom, phân loại và vận chuyển rác thải đến nhà máy xử lý	BOO/ BOT	750-1.000 tấn/ngày; 1,5ha	150	
29	Trạm trung chuyển rác thải Quốc Oai	1	Góp phần hoàn thiện quy trình thu gom, phân loại và vận chuyển rác thải đến nhà máy xử lý	BOO/ BOT	* 500-700 tấn/ ngày, 1,5ha	100	
30	Trạm trung chuyển rác thải Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ	1	Góp phần hoàn thiện quy trình thu gom, phân loại và vận chuyển rác thải đến nhà máy xử lý	BOO/ BOT	500-700 tấn/ ngày, 1,5ha	100	
31	Xây dựng đường Vành đai 2,5 đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến Đầm Hồng, quận Thanh Xuân	1	Hoàn thiện tuyến đường theo quy hoạch; kết nối các đoạn tuyến đang đầu tư xây dựng; Góp phần giảm ùn tắc giao thông khu vực	BT	1,76km B=40m	1.422	Quỹ đất tại xã Sơn Đông, Đặc Sờ, Yên Sờ, huyện Hoài Đức.
32	Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng) quận Bắc Từ Liêm	1	Xây dựng đoạn tuyến đường hướng tâm; Kết nối các đoạn tuyến đã và đang xây dựng; Giảm ùn tắc giao thông khu vực	BT	2,43km B=60,5m	1.400	Quỹ đất tại Khu La Phù, huyện Hoài Đức

Số TT	Tên công trình / dự án	Số DA	Mục tiêu đầu tư	Hình thức hợp đồng dự kiến	Quy mô đầu tư (dự kiến)	TMĐT (dự kiến) tỷ đồng	Địa điểm quỹ đất thanh toán (dự kiến)
33	Xây dựng hệ thống chiếu sáng sử dụng đèn LED tiết kiệm điện	1	Phát triển hệ thống chiếu sáng đô thị; Thực hiện tiết kiệm năng lượng	BLT		1.000	
34	Bãi phé thải xây dựng X4A tại xã Vân Côn, Hoài Đức; X4B tại xã An Thượng, Hoài Đức; X3 tại xã Trung Châu, Đan Phượng	1	Đáp ứng nhu cầu chôn lấp phé thải xây dựng, bùn sau xử lý nước sạch; Góp phần cải thiện môi trường đô thị	BOO/ BOT	19 ha	130	
35	Bãi phé thải xây dựng X16B tại xã Chương Dương, X16C tại xã Thống Nhất, huyện Thường Tín	1	Đáp ứng nhu cầu chôn lấp phé thải xây dựng, bùn sau xử lý nước sạch; Góp phần cải thiện môi trường đô thị	BOO/ BOT	20 ha	190	
B	CÁC DỰ ÁN NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN	12				1.823	
36	Xây dựng trạm cấp nước sạch liên xã Hợp Thành, Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức	1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 34.600 người dân thuộc 2 xã của huyện Mỹ Đức; nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	BOO	6000 m ³ /ngđ	199	
37	Đầu tư xây dựng nhà máy cung cấp nước sạch liên xã Thụy Phú, Hồng Thái, Nam Phong, Vân Nhân, Nam Triều, huyện Phú Xuyên	1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 26.000 người dân thuộc 5 xã của huyện Phú Xuyên; Nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	BOO	5000 m ³ /ngđ	192	
38	Dự án cấp nước sạch liên xã Hiền Giang, Tiên Phong, Nguyễn Trãi, Tân Minh, Nghiêm Xuyên, Dũng Tiến - huyện Thường Tín	1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 46.100 người dân thuộc 6 xã của huyện Thường Tín; Nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	BOO	7500 m ³ /ngđ	265	

Số TT	Tên công trình /dự án	Số DA	Mục tiêu đầu tư	Hình thức hợp đồng dự kiến	Quy mô đầu tư (dự kiến)	TMDT (dự kiến) tỷ đồng	Địa điểm quỹ đất thanh toán (dự kiến)
39	Dự án cấp nước sạch liên xã Viên An, Viên Nội, Sơn Công, Cao Thành, Hoa Sơn - huyện Ứng Hòa	1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 28.500 người dân thuộc 5 xã của huyện Ứng Hòa; Nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	BOO	5000 m ³ /ngđ	171	
40	Dự án cấp nước sạch liên xã Phương Trung, Kim Thư, Đỗ Động, Kim An - huyện Thanh Oai	1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 33.100 người dân thuộc 4 xã của huyện Thanh Oai; Nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	BOO	6500 m ³ /ngđ	281	
41	Dự án cấp nước sạch liên xã Cổ Đô, Phong Vân, huyện Ba Vì	1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 14.100 người dân thuộc 2 xã của huyện Ba Vì; Nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	O&M	2800 m ³ /ngđ	82	
42	Dự án cấp nước sạch liên xã Hiệp Thuận, Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ	1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 20.200 người dân thuộc 2 xã của huyện Phúc Thọ; Nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	O&M	2950 m ³ /ngđ	93	
43	Dự án cấp nước sạch xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức	1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 22.700 người dân thuộc xã Hương Sơn; Nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	O&M	3500 m ³ /ngđ	90	

Số TT	Tên công trình / dự án	Số DA	Mục tiêu đầu tư	Hình thức hợp đồng dự kiến	Quy mô đầu tư (dự kiến)	TMDT (dự kiến) (tỷ đồng)	Địa điểm quỹ đất thanh toán (dự kiến)
44	Dự án cấp nước sạch liên xã Tam Hưng, Thanh Thủy, huyện Thanh Oai	1	Đầu tư xây dựng hệ thống NSNT liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 24.600 người dân thuộc 2 xã của huyện Thanh Oai; Nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	O&M	3300 m3/ngđ	94	
45	Dự án cấp nước sạch liên xã Liên Phương, Vân Tào, Hà Hồi, Hồng Vân, Thư Phú, huyện Thường Tín	1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 45.700 người dân thuộc 5 xã của huyện Thường Tín; Nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	O&M	5200 m3/ngđ	168	
46	Dự án cấp nước sạch liên xã Trung Hoà, Trường Yên, huyện Chương Mỹ	1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 23.100 người dân thuộc 2 xã của huyện Chương Mỹ; Nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	O&M	3600 m3/ngđ	98	
47	Dự án cấp nước sạch liên xã Thanh Lâm, Đại Thịnh, Tam Đồng, huyện Mê Linh	1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của 20.000 người dân thuộc 3 xã của huyện; Nâng cao điều kiện vệ sinh, môi trường	O&M	2900 m3/ngđ	90	
C	LĨNH VỰC Y TẾ	5				4.947	
48	Xây dựng bệnh viện đa khoa 600 giường tại Mê Linh	1	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân; Giảm tải các bệnh viện lớn trong khu vực nội đô	PPP	600 giường	2.697	
49	Xây dựng Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn cơ sở II	1	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân; Giảm tải các bệnh viện lớn trong khu vực nội đô	PPP	200 giường	500	

Số TT	Tên công trình / dự án	Số DA	Mục tiêu đầu tư	Hình thức hợp đồng dự kiến	Quy mô đầu tư (dự kiến)	TMDT (dự kiến) tỷ đồng	Địa điểm quỹ đất (thanh toán) (dự kiến)
50	Xây dựng Bệnh viện Tim Hà Nội - Cơ sở 2	1	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân; Giảm tải các bệnh viện lớn trong khu vực nội đô	PPP	300 giường	700	
51	Xây dựng Bệnh viện Mắt Hà Đông	1	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân; Giảm tải các bệnh viện lớn trong khu vực nội đô	PPP	250 giường	450	
52	Xây dựng Bệnh viện Thận Hà Nội	1	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân; Giảm tải các bệnh viện lớn trong khu vực nội đô	PPP	250 giường	600	

www.LuatVietnam.vn